

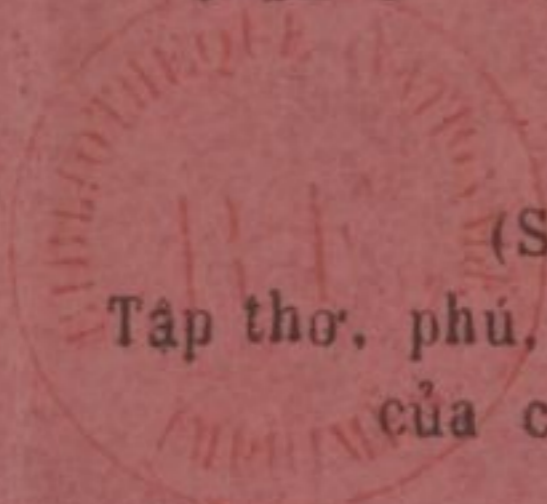
INDO-CHINOIS

8°
478

集全貧稿

CẢO THƠM TOÀN TẬP

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 4998



(Sách này chia làm ba tập:
Tập thơ, phú, tập văn, câu đối và tập bài hát ả-dầu
của các bậc danh nhân nước ta).

HẢI-NAM

ĐOÀN-NHƯ-KHUÊ BIÊN TẬP

IN LẦN THỨ BA

Giá : 0\$40



*Coartificie que le tirage
est de trois mille exemplaires
avec 6 Haras 1926*



HANOI

In tại Ngô-Tử-Hà Ấn-Quán
101, Hàng Gai, 101

1926

Handwritten notes:
Ind-Ch
478

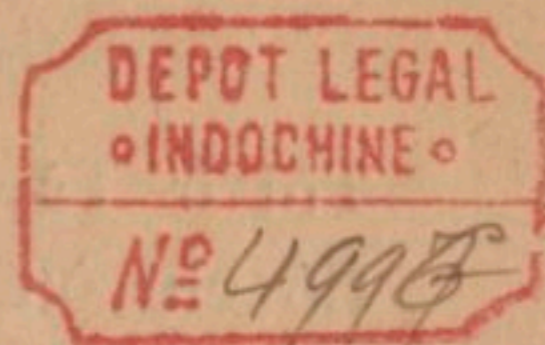
Nom d'auteur *Khue (Joan như)*

Titre de l'ouvrage *Cao thom toàn tập*
(poésies)

CẢO-THƠM TOÀN-TẬP



TẬP THƠ



THƠ BÁN THAN

Một gánh kiền khôn quây tếch ngàn,
Hỏi rằng gì đó? dạ rằng than!
Đói no miễn được đồng tiền tốt,
Hơn thiệt bao nài gốc củi tàn!
Muốn giữ lửa hương cho vẹn kiếp,
Thử xem vàng đá có bền gan?
Toan từ nhem-nhuốc thay nghề khác,
Lại sợ giờ kia thiếu kẻ hàn.

Tiêu dẫn

Bài này của ông Trần-khánh-Dur đời nhà Trần, ông làm quan bị mất chức, vào rừng đốt than. Một ngày vua Trần Nhân-tôn lánh giặc Nguyên qua bến đò Bình-ly (huyện Chí-linh) bắt gặp, vua thấy gánh than, ra ngay cho bài thơ tức cảnh, ông ấy làm bài thơ này, vua khen lại phục chức cho làm Phó-đô-tướng-quân, cho theo đi đánh giặc, có công sau lại làm nên được một bậc trung-hưng danh-tướng.

HỎI CÔ BÁN CHIẾU

À ở đâu ta bán chiếu gon?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?

Xuân thu phỏng độ bao nhiêu tuổi ?
Đã có chồng chưa được mấy con ?

Bài họa lại

Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gon,
Cớ chi ông hỏi hết hay còn ?
Xuân thu tuổi mới giăng tròn lẽ,
Chồng còn chưa có, có chi con.

Tiểu dẫn

Bài thơ trên của ông Nguyễn-Trãi, khi ông đã làm quan đời vua Lê. Một hôm đi châu về, giờ đã xẩm-xẩm tối, gặp một người con gái đi bán chiếu về, nhan sắc tuyệt trần, ông mới đọc bốn 4 câu thơ này. Thơ họa lại tức là của người con gái, tên là Nguyễn-thị-Lộ, ông Trãi thấy người có nhan sắc và biết văn-từ, cho về làm nàng-hầu. Rồi vua Lê Thái-tôn vời làm nữ-học-sinh, thường thường được ra vào trong cung. Sau ông Trãi mắc phải tội tru-di, cũng vì nàng ấy. Tương truyền nàng ấy là con rắn hiện hình ra để báo thù khi trước. (Khi đem chém nàng ta, thì thấy con rắn ở trong cũi bò ra, mới biết là ông Trãi bị oan).

TẬP THƠ VUA LÊ-THÁNH-TÔN

Sách chép bà Hoàng-thái-hậu trước đi cầu-tự, khi gần sinh ngài, mệt quá, nhấp đi, nằm chiêm-bao lên giờ, thấy đức Thượng-đế sai một vị tiên-đồng, xuống đầu thai, vì tiên-đồng không chịu xuống, Thượng-đế giận, lấy cái hốt bằng ngọc đánh vào trán hơi chảy máu, sức tinh sinh ngài, trán hãy còn ngấn vết đỏ.

Ngài thiên-tư thông-minh, vả lại ham về những đường phân-điển, ngâm vịnh rất nhiều, thơ quốc-âm càng hay lắm, rất hay là không cứ bài gì cũng làm ra khẩu-khí ngôi thiên-tư được. Xin lục các bài sau này :

NGƯỜI BỒ NHÌN

Quyền trọng ra uy trấn cõi bờ,
Vốn lòng vì nước há vì dưa !
Xét-soi trước mặt đòi vàng ngọc,
Vùng-vẫy trên tay một lá cờ ;
Dẹp giống muông chim xa phải lánh,
Dễ quân cây cuốc gọi không thừa ;
Mặc ai nhẩy nhót đường danh-lợi,
Ơn nước đầm-đìa hạt móc mưa.

Một câu tam tứ nữa là :

Tay áo phất-phơ cơn gió thổi,
Bồ-hôi lã-chã lúc giờ mưa.

NGƯỜI ĐI XIN

Chẳng phải ăn đong, chẳng phải vay,
Khấp hòa thiên-hạ đến ăn mày ;
Hạt châu chứa cát trao ngang miệng,
Bệ ngọc tôi từng đứng chấp tay ;
Nam bắc đông tây đều đến cửa,
Trẻ già giai gái cũng chiềng thầy ;
Đến đâu sẵn có lâu-dài đấy,
Bốn bề thu về một túi đầy.

THẮNG MỖ

Gớm thay nhón tiếng lại giải hơi,
Làng nước ung bầu chẳng phải chơi!
Mộc-đạc vang-lừng trong bốn cõi,
Kim-thanh rền-rĩ khắp đời nơi;
Đâu đâu dấy dấy đều nghe lệnh,
Xã xã dân dân phải cứ nhờ;
Trên dưới quyền hành tay cất đặt,
Một mình một cỗ thỏa lòng xơi.

ĐỀ MIẾU BÀ TRƯƠNG

Nghi-ngút dầu ghềnh tỏa khói hương,
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương?
Ngọn đèn dù tắt đừng nghe trẻ,
Làn nước chi cho lụy đến nàng!
Chứng quả có đôi vàng nhật nguyệt,
Giải oan chi mượn đến đàn trường.
Qua đây mới biết nguồn-con ấy,
Khá trách chàng Trương khéo phụ-phàng!

Tiểu dẫn

— Miếu bà Trương này còn ở bên sông Hoàng-giang, (làng Vũ-diện, huyện Nam-sang, tỉnh Hà-nam). Bà Trương vợ Vũ, người làng Vũ-diện, lấy chồng cùng làng, người họ Trương, được nửa năm chồng phải đi lính, lúc chồng đi, bà ta đã có thai, rồi sinh được một đứa con gái đặt tên là Đản.

Ba năm giặc tan chồng về. Khi chồng về thì mẹ đã mất rồi, đứa con đã bập-bẹ biết nói. Người chồng bế con ra thăm mộ mẹ, đứa con khóc, nhất định không theo, gọi con bảo rằng : « Con ơi ra với cha, cha vẫn thương con lắm ! » Đứa con nói : « Người cũng là cha ư ? nhưng nay người lại biết nói, khi trước người cha thì không nói, cứ mẹ ngồi thì ngồi, mẹ đi thì đi, đến tối thì thấy đến ». Chàng Trương sẵn có máu ghen, nghe con nói liền đem lòng ngờ vợ, về đến nhà thét mắng, nói đủ trăm đường xi-nục, dầu vợ van lạy thế nào, và trong làng trong họ biện-bạch chừng nào cũng không nghe, mà hỏi ai nói thì nhất định giấu, không bảo là con nói, bà Trương bị trăm đường sâu-khổ, đến nỗi phải gieo mình xuống giữa dòng Hoàng-giang.

Chàng Trương từ khi vợ mất, buồn-khuya thanh-vắng một mình, cũng động lòng thương nhớ. Có một đêm đương bế con, thì đứa con chồm vào bức vách oà lên nói rằng : « Kia cha Đản lại đến kia ! » Vì ngày trước người chồng đi vắng, bà Trương cứ chồm vào bóng mình nói dối con rằng người cha đấy, nên đứa bé nhận nhầm. Lúc bấy giờ chàng Trương mới biết rõ rằng vợ mắc phải tiếng oan, rất là thương xót, nhưng không thể làm thế nào được, mới ra sông Hoàng-giang lập một đàn để giải oan. Sau vua Lê Thánh-tôn qua đây để bài thơ này (chuyện chép trong ở bộ Chuyện-kỳ-man-lục).

THÍCH CÂU

« Bên đây mên cảnh mên thầy »
« Tuy vui đạo Phật chưa khuấy lòng người »

Ngâm sự trần duyên khéo nực cười!
Tuy vui đạo Phật chưa khuấy người;
Chầy kèn mấy khắc tan miền tục,
Hồn bướm năm canh lần sự đời,
Bể thăm muôn tầm mong tát cạn,
Sông ân nghìn trượng dễ khơi vơi;
Nào nào cực lạc là đâu tá?
Cực lạc là đây hẳn tỏ mười.

Tiểu dẫn

Vua Thánh-tôn khi ra chơi chùa Ngọc-hồ, thấy trên gác chuông có một người con gái đẹp ngâm rằng : *Đến đây v, v...* » Vua yêu người có tài-tử, cho đòi lại họa thơ, người con gái xin vua làm trước. Vua hỏi đầu bài thì xin lấy ngay câu ngâm trước. Vua làm xong đưa cho người con gái xem, thưa rằng : « *Câu thứ ba thứ tư thiếu ý cảnh, xin đòi lại rằng :*

Gió thông đưa kệ tan miền tục,
Hồn bướm mơ tiên lần sự đời.

Còn câu thứ 5, 6 thì chữ thăm xin đòi làm chữ khô, chữ sông xin đòi làm chữ nguồn. » Vua khen lắm cho đi kiệu cùng về, gần đến cung thì thấy mất, mới biết là người tiên. Vua mới sai dựng một đền ở trước cửa cung, gọi là Vọng-tiên quán, nghĩa là nhớ người tiên mà mong mỏi, đền ấy đến nay vẫn hãy còn.

TẬP THƠ

QUAN TRẠNG-NGUYÊN NGUYỄN-BỈNH-KHIÊM

Quan Trạng người làng Trung-am, huyện Vĩnh-lại, tỉnh Hải-dương, đỗ Trạng-nguyên năm thứ 6 niên hiệu Đại-chính, đời nhà Mạc, làm quan đến Đông-các Đại-học-sĩ, được phong tước Công, sau cáo về, làm nhà nghỉ mát ở làng, gọi là am Bạch-vân, thường có tên riêng là Bạch-vân xử-sĩ.

Ngài là học-trò quan Bảng-nhữn Lương-đắc-Bảng truyền thụ được một bộ Thái-ất thần-kinh nên rất tinh về đường Lý-học, suy chắc biết được cả vận-hội mấy trăm năm về trước, mấy trăm năm về sau thường có các nhời sấm-ký để lại sau rất là linh-nghiệm, nhưng bao giờ việc đã qua rồi thì mới biết, thử xem một nhời sấm như là: "*Cha con thằng Khả đánh ngã bia tao, làng bắt đến tiên tam quán*" (nghĩa là ba quan), sau chỗ mộ ngài có cha con thằng Khả đi đào ếch đánh đổ bia thật, làng theo nhời ngài bắt khoán nó ba quan tiên, nhưng nó không có gì, chỉ có một cái thuồng đi đào ếch đem cố mãi chỉ được một quan tám thôi, mới biết tam quán nói lái lại thành ra quan tám. Các nhời sấm thì thật rõ mà toàn huyền diệu như thế cả.

Ngài có tập thơ Bạch-vân bằng chữ nho, và một trăm bài thơ quốc-âm để lại, thơ quốc-âm dẫu không được hay, nhưng ngài là một nhà triết-lý học, bài nào cũng có ý khuyên dẫn đời, cũng là những bài cách-ngôn của bậc danh-nhân trong nước. Xin lục mấy bai sau này.

Bài thứ 42 trong 100

Chớ chê người ngắn, cây ta dài,
Dù kém dù hơn ai mặc ai ;
Mùi nọ có bụi không có ngọt ;
Màu kia càng thắm lại càng phai ;
Đã hay phận định dành yên phận,
Dâu có tài hơn chớ cây tài !
Quân-tử ngẫm xem cơ xuất xứ.
Ắt là khôn hết cả hòa hai.

Bài thứ 77

Thế-gian biến đổi khéo lôi-thôi,
Mặn, nhạt, chua, cay với ngọt-bùi !
Còn bạc còn tiền còn đệ-tử,
Hết cơm hết rượu hết ông tôi.
Xưa nay đều trọng người chân-thực,
Thiên-hạ ai ưa kẻ đĩ-bôi !
Xem kỹ mới hay người bạc ác,
Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.

CÙNG SANG CHUYỂN ĐÒ SÔNG GAM-KỶ

Một hôm kinh-sử, níp kim-cương,
Người, tớ cùng sang một chuyến dương ;
Đám hội đàn chay, người đứng-dĩnh,
Ngôi cao chức trọng, tớ nghênh-ngang !
Sao người chả nhớ nhờ Hàn-Dũ ?
Đây tớ còn cầm truyện Thủy-Hoàng !
Phút chốc lên bờ rồi tiên biệt,
Người thì nên phạt, tớ nên sang.

Tiểu dẫn

Thơ này của ông Lương-hữu-Khánh, con quan Bảng-nhữn Lương-đắc-Bằng. khi quan Bảng-nhữn mất, ngài mới sinh, mẹ già nhà nghèo, những người có khí tiết, không chịu ra làm quan với nhà Mạc, học hay chữ, ăn khỏe, nhà nghèo không được mấy bữa no. Có một ngày đi sang qua bến đò Tam-kỳ, gặp hai ba vị Hòa-thượng đi đám chay về, các Hòa-thượng thấy ông Lương ra ý đỏi, cho hai ba phẩm oản, ông Lương từ nói rằng : « Học-trò nghèo đã chịu đỏi hai ba hôm nay, may gặp các vị Hòa-thượng đem lòng bố thí, nhưng cho từng ấy thì không sao đủ được ». Các vị cười nói rằng :

« Nếu thực học-trò thì thử làm một bài thơ tức cảnh cùng sang một chuyến đò, hễ qua đò xong mà hay, thì có bao nhiêu lộc xin đãi cả. » Đò vừa tới bến, thơ xong. Hòa-thượng xem đều nức nở khen, có 70 phẩm oản đãi cả. Ông Lương ngồi ngay dưới thuyền ăn một lúc hết, ai ai cũng lấy làm lạ, sau về giúp nhà Lê nên được nghiệp trung-hưng phong làm đại-vương.

THƠ CÁI SẮC PHÁO

Xác không vốn những cây tay người,
Khôn khéo làm sao buộc cũng rơi ;
Kêu lảm lại càng tan-tác lảm.
Thế nào cũng một tiếng mà thôi!

Tiểu dẫn

Người Nguyễn-Chính khi còn lên 9 tuổi đi học, năm mới đến mừng tuổi thầy, thấy nhật cái xác pháo cho rồi bắt làm một bài thơ tức cảnh,

thơ tức cảnh, làm xong, thấy xem nói chuyện với bạn rằng : « *Gã này ngày sau sự-nghiệp chưa biết chừng nào nhưng làm loạn trong thiên-hạ hẳn cũng gã này* » Cho về học thầy khác, 16 tuổi đỗ cử-nhân trường vãn, 18 tuổi vào kỳ đệ tam trường võ, rồi vào thành Bình-định theo Tây-sơn bầy mưu kế, Tây-sơn rất tin dùng, phong đến chức quận-công, sau cậy công quá, đến nỗi ghét ghen phải bắt đảc kỳ tử, thực đúng với khẩu-khí bài này.

TẬP THƠ ÔNG ÔN-NHƯ TIÊN SINH

Cuối đời nhà Lê có ông tên hiệu là Ôn-như tiên sinh, thơ quốc-âm rất hay, làm có hai lối : một lối đọc ứng khẩu thì hoạt, một lối trác-luyện kỹ thì hay.

Lời ứng khẩu như bài sau này :

SAI ĐẦY TÓ (tên là Cam) ĐI HÁI HOA

Cam, chóng ra thăm gốc hải-dương,

Hái hoa về để kết làm tràng ;

Những cành với cánh đừng tay nặng.

Mấy đoá còn xanh chớ bẻ quàng !

Mới lại tây-hiên tìm³ liên sa,

Rồi sang đông-viện lấy bình hương ;

Mà về cho chóng đừng thơ-thần,

Kéo lại rằng chưa dặn kỹ càng.

VỊNH ĐÁM GỪNG, TÔI BỊ MƯA GIÓ ĐỒ

Lỡm-nhỡm vài hàng tôi,

Lơ-thơ mấy khóm gừng ;

Vẽ chi là cảnh mọn,

Mà cũng đến tang-thương !

Lời trác luyện như bài sau này :

VỊNH TRỐNG CẢNH NĂM

Rẽ gọi người nằm thiên cổ dậy.
Sương chùm cảnh đứng tứ canh đi.

KHÓC VỢ

Đạp cổ kính ra tìm lấy bóng,
Xếp tàn y lại để dãi hơi.

VỊNH CẢNH

Đưa lọt kẽ màn khôn gió dịp,
Luồn qua cửa sổ bóng giăng thâu.

ĐƯA CHO TÌNH NHÂN

Khắc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào,
Khối tình cay đắng biết làm sao!
Muốn kêu một tiếng cho to lắm,
Ơi hỡi! ai ơi! khôn thế nào?

RẪN MÀ CHẲNG HỌC

Chẳng phải thừu-đuru cũng gọi là,
Rắn mà chẳng học, có ai tha;
Thẹn đèn hồ-lửa đau lòng mẹ,
Rầy hét mai-gâm rât họng cha!
Ráo mép chỉ quen nhờ nói dối,
Lăn lưng cam chịu cái roi cha;
Từ đây châu-lô xin về học,
Kéo hồ-mang đeo tiếng thế-gia,

Tiêu dẫn

Đời nhà Lê có ông Nghè, khi còn bé hay chơi không chịu học cha đánh mắng rằng: « *Rắn mặt mà không chịu học* » nhân lấy câu ấy ra cho bài thơ, bảo hãy làm được thì tha đòn cho, không được thì phải đòn, ông Nghè làm bài thơ ấy, mỗi câu dùng một tên con rắn.

VỊNH CẢNH TÂY HỒ

(*Bài này đọc xuôi, đọc ngược được*)

Bài đọc xuôi

Đây vui thực lạ cảnh Tây-hồ,
Trước tự giới kia khéo vẽ đồ;
Mây lặn nước xanh màu tổ ngọc,
Nguyệt lồng hoa thắm vẽ in châu;
Cây la tán rợp từng cao thấp,
Sóng gợn cầm tàu dịp nhỏ to;
Bầy khéo thú vui non nước đủ,
Tây-hồ giá ấy dễ dàu so.

Bài đọc ngược

So dàu dễ ấy giá hồ Tây,
Đủ nước non vui thú khéo bầy;
To nhỏ dịp tàu cầm gợn sóng,
Thấp cao từng rợp tán la cây;
Châu in vẽ thắm hoa lồng nguyệt,
Ngọc tổ màu xanh nước lặn mây;
Đồ vẽ khéo kia giới tự trước,
Hồ Tây cảnh lạ thực vui đây.

Tiểu dẫn

Cuối đời nhà Lê, vua ra lập đàn tế ở Tây-hồ sai một ông quan làm bài phú và bài thơ cảnh Tây-hồ, vua có ban cho 20 quan tiền để làm phần thưởng.

THƠ CON NGHỀ

(Mỗi câu dùng một con thú)

Có nghề mà lại cậy chi nghề,
Nghề thế ai ngờ lại hóa nghề ;
Vạn tội bất như danh cũng hồ,
Nhất văn vô hữu nợ còn bê ;
Khoa-danh coi cũng đồ khoe mã,
Cờ biển xem như cửa ướn sề ;
Bôn tâu làm chi cho rách gấu,
Thà rằng ngồi tốt vuốt râu dê.

Tiểu dẫn

Ông Nghè Nguyễn-dinh-Tân người làng Thương-cốc, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương, khi mới đỗ tiến-sĩ, nhà nghèo, đem cả mũ áo lên cầm cho quan Thượng. Lúc bấy giờ quan thượng Nguyễn-công-Trứ làm Thượng-thư tỉnh ấy, ngài nói rằng: « *Bác chỉ khéo làm trò nghề thôi!* » nhân lấy ra cho bài thơ, bắt rằng mỗi câu dùng một con thú. Ông Nghè mới làm bài thơ này, rồi quan Thượng có hậu thưởng.

VỊNH CHIM BỒ CÂU

Cu hời cu hời! bảo cu hay,
Cu ở đường mô, cu tới đây?
Chớ cậy lông son cùng ống sứ,
Có ngày thớt nghiêng với dao phay.

Tiểu dẫn

Ông Nghè Tân khi chưa đỗ, còn đi ngồi dạy học, một hôm quan Thượng hện ra chơi nhà chủ, nhà chủ có một cái sập giữa cao, nhà chủ bảo để nhường quan ngồi, ông Nghè nhất định không nghe, lúc quan Thượng ra, cứ ngồi giữa sập, quan Thượng cũng ngồi đấy, hỏi thầy đồ có biết làm thơ không? ông Nghè thưa : biết làm thơ nôm. Sân trước cửa có lồng chim bồ-câu treo, quan thượng lấy ra đầu bài, ông nghe ứng khẩu làm ngay bài thơ ấy, quan Thượng xem, biết là sắc, nhưng hay, phải khen mà thưởng tiền cho.

TẬP THƠ BÀ HUYỆN THANH-QUAN

Bà huyện người làng Nghi-tâm, nay thuộc về huyện Hoàn-long gần Hà-nội, lấy chồng người huyện Thanh-trì, làng Nguyệt-áng, tên là Lưu-Hân, đỗ cử-nhân ân-khoa năm thứ hai đời vua Minh-Mịnh, làm quan đến tri-huyện thì bị cách.

Bà huyện có văn tài, văn thơ hay lắm, mà văn quốc âm lại càng hay, vua nghe tiếng vời vào cung, cho làm nữ-giáo-tập, để dạy cung nhân và Công-chúa.

Văn bà rất đứng-dắn, âm-luật hơi giống Đường-thi, kể sau này cũng không mấy nhà văn-sĩ làm bằng, chỉ phải trong một bài thì phần nhiều còn dùng chữ nho nên chưa được gọi là toàn bích.

Xin lục mấy bài sau này :

ĐI ĐÒ BUỔI CHIỀU

Thấp thoáng non tiên lác đác mưa,
Bút thần khôn vẽ thú tiêu-sơ ;
Xanh om cỏ-thụ tròn gương tán,
Trắng xóa tràng-giang phẳng lặng tờ ;
Bầu giốc quan sơn say chập rợp,
Túi nghiêng phong nguyệt nặng vì thơ ;
Biết bao tao khách tình đi lại,
Thấy cảnh này ai chẳng thần thờ.

Một câu thứ 5, 6 nữa :

Còi mục thét giăng miền khoáng-giã,
Chài ngư tung gió quăng binh-sa.

GIỜ HỒM NHỚ NHÀ

Chiều giời bảng-lẳng bóng hoàng-hôn,
Tiếng dốc xa đưa lẫn trống đồn ;
Gác mái, ngư-ông về viên-phố,
Gõ sừng mục-tử lại cô-thôn ;
Ngàn dân, gió cuốn chim bay mỗi,
Dặm liễu, sương thưa khách bước giồn,
Kẻ chốn trưng-dài người lữ-thứ,
Mấy ai mà kể nỗi hàn-ôn.

QUA NÚI ĐÈO-NGANG

☞ Qua núi đèo-ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa ;
Lom-khom dưới núi tiền dăm chú,
Lác-đác bên sông, chợ mấy nhà ;

Luyến chủ, đau lòng con cuốc-cuốc,
Thương người, mỗi miệng cái đa-đa ;
Dừng chân gánh lại giới, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

QUA CHÙA TRẤN-BẮC

Trấn-bắc hành-cung cỏ dãi-dầu,
Khiến người qua đó chệnh lòng đau ;
Mấy giò sen héo hơi hương ngự,
Năm thức mây phong nếp áo châu ;
Sóng lớp phế hưng, coi vẫn dộn,
Chuông hồi kim cổ, lắng càng mau.
Người xưa cảnh cũ nào đâu tá ?
Khéo ngần-ngợ ! cho lũ trọc đầu.

THĂNG-LONG THÀNH HOÀI CỒ

Tạo-hóa gây chi cuộc hí-trường,
Đến nay thắm-thoắt mấy phong sương ;
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Ngõ cũ lâu-dài bóng tịch-dương ;
Đá vẫn bền gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn chau mặt mấy tang thương ;
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường !

VUA SAI ĐỀ CÁI CHÉN VỄ SƠN THỦY

Như in thảo mộc giới Nam lại,
Đem cả sơn hà đất bắc sang.

Bà Huyện có câu đối dán tết rằng :
Duyên mấy văn-chương nên gián chữ,
Nợ gì giờ đất phải giồng nêu.

Nghe đầu quan Huyện bị cách cũng vì bà : đầu có một người đàn-bà tên là Nguyễn-thị-Đào kiện chống tình-phụ, quan Huyện đi vắng, bà phê ngay vào đơn rằng :

Phó cho con Nguyễn-thị-Đào,
Nước trong leo-lẻo cảm sào đợi ai !
Chữ rằng : Xuân bất tái lai,
Cho về kiếm chút, kéo mai nữa già.

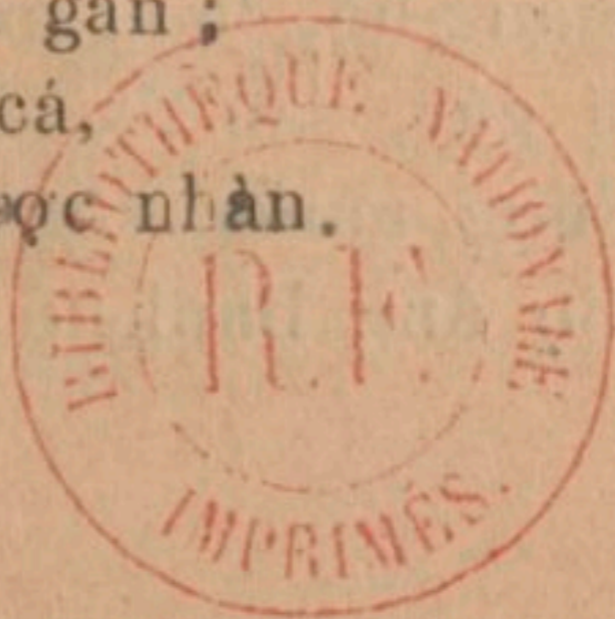
Vì bà phê mấy chữ, sau chống Thị-Đào đi thưa, nên quan Huyện phải cách.

ĐỀ ĐỘNG LIÊN-HOÀ

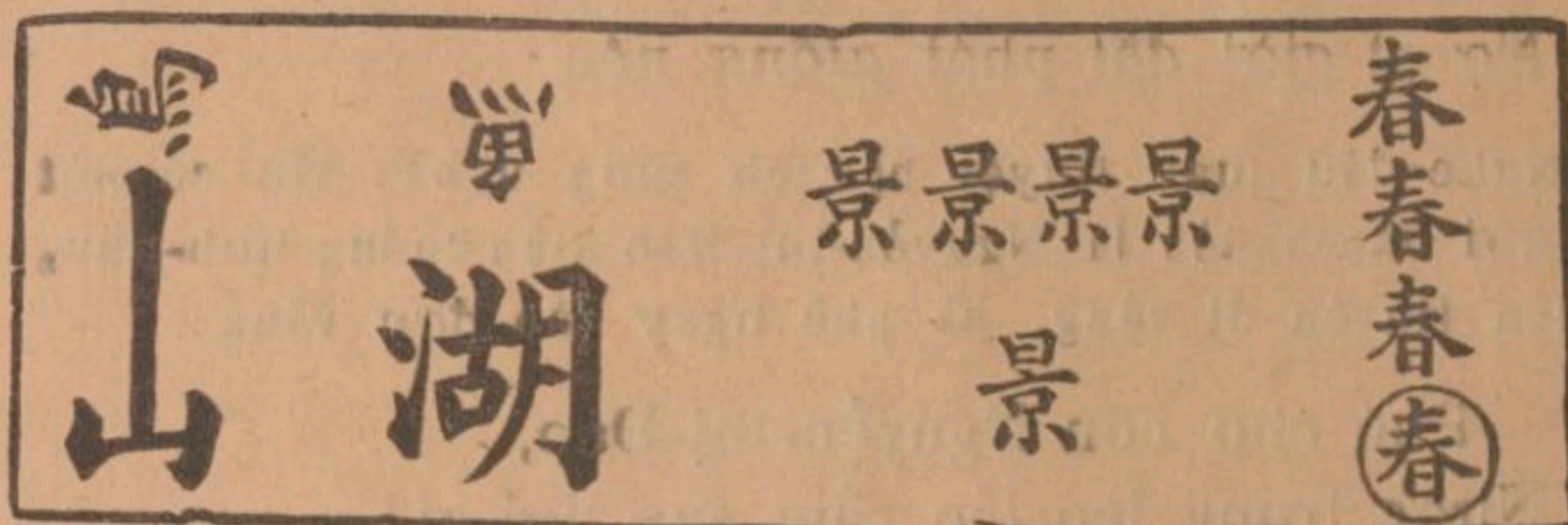
Quan Phạm-văn-Nghị, người làng Tam-dăng, huyện Đại-an, tỉnh Nam-định, đỗ Hoàng-giáp đời Vua Minh-Minh thứ 19, làm quan đến Trị-giảng Học-sĩ, sung làm chức Doanh-diên Chánh-xứ tỉnh Nam-định và Hải-phòng, sau về ẩn ở động Liên-hoa (Ninh-bình) có đề hai bài thơ này :

1° Ta chẳng chêu ai chẳng gheo ai.
Ơn vua về ở động Thiên-thai ;
Thiên-thai chỉ có non cùng nước,
Non nước làm vui gác chuyện ngoài.

2° Một gánh cần câu tới thạch-bàn,
Cá tuy không được chỉ ngồi gan ;
Dù ai xem giở cười không cá,
Không cá nhưng ông đã được nhàn.



Quan Hoàng-giáp ở nhà có viết chơi mấy chữ treo trên vách như sau này ;



Ngài bảo « Hễ ai trông đây mà đọc thành ra bốn câu thơ nôm thì xin thờ làm thầy ». Không ai đọc được cả. Sau có ông thầy ở trong làng đến chơi, bảo ngài rằng : « Nghe nói anh có đồ mấy chữ mà không ai đọc được, tưởng câu này cũng chả khó gì, để ta đọc cho mà xem », rồi cụ đồ đọc thành bài thơ này :

Ba xuân nho-nhỏ một xuân tròn,
Bốn cảnh bằng nhau một cảnh con ;
Hồ rộng thênh-thang ngư lộn ngược.
Non cao chót-vót điều năm ngang

Các bài thơ không có tên người làm :

MUA QUAN - TÀI

Ba vua, bốn chủ, bảy thặng con,
Thấm thoát xuân thu bảy chục tròn ;
Ơn nước chưa đền danh cũng hồ,
Quan-tài sẵn có chết thì chôn ;
Giang-hồ, lang-miếu giới đôi ngả,
Bị gậy, cân đai đất một hòn ;
Cũng muốn sống thêm mười tuổi nữa,
Sợ ông Bành-tô tổng đồng-môn.

KHÔNG CHỒNG TRÔNG BÔNG LÔNG

(Hạn lấy 5 chữ đầu bài làm 5 vần)

Bực gì bằng gái chực phòng không !
Tơ-tướng vì chung một tấm chồng ;
Trên các rờng mây ngao-ngán nhẽ,
Bên giới cá nước ngân-ngơ trông ;
Mua vui lắm lúc cười cười gượng !
Bán mệt đòi phen nói nói bông ;
Mới biết có chồng như có cánh,
Giang san gánh vác nhẹ bằng lông.

NHỚ BẠN CŨ

Muốn hở môi ra những thẹn-thùng,
Chữ tình ai nữ rút cho xong ;
Những người trong cuộc nhiều người lạ,
Mà của trên đời vốn của chung ;
Duyên-phận ngàn cho thân thiếu-nữ,
Tài-hoa gầy cả mặt anh-hùng !
Thôi thôi còn nói làm chi nữa,
Ghen ghét thêm cho truyện có không.

Hai bài vịnh sử :

VỊNH BÀ TRIỆU-ẦU

Không duyên không kiếp cũng không chồng,
Cái nợ trần-hoàn cái nợ chung ;
Nhắm mắt rời chân coi tạo-hóa,
Kề vai vất vớ gánh non sông ;

Sánh cùng hai gái dòng con Lạc,
Thương lấy trăm giai giống họ Hồng :
Mới biết rồng tiên dòng-dõi tốt,
Xui ra nhi-nữ cũng anh-hùng.

VỊNH PHỤC BA TƯỚNG-QUÂN

Trèo non vượt biển tổn bao công,
Một trận hồ Tây chút vẫy-vùng ;
Quắc-thước khoe chi mình tóc trắng,
Cân thoa độ mấy khách quần hồng ;
Gièm chê đã chán đầy mâm ngọc,
Công-cán ra chi mấy cột đồng !
Ai muốn chép công ta chép oán,
Công riêng ai đó oán ta chung.

BÀI LÀM CHƠI

Đường mây qua lại vó câu giông,
Chán mặt non sông những thẹn-thùng ;
Mùi thể thử chơi chừng ấy đủ,
Cuộc đời đã biết lúc nào xong ;
Thôi thôi cũng lậy cùng chung-đỉnh,
Khéo khéo còn rầy với kiếm-cung ;
Lẻo-đẻo diên-viên cam một thú.
Hoa đào năm ngoái gió cơn đông.

THÍCH CÂU TỤC-NGŨ

« Ngày xưa anh búng, anh beo,
« Tay cật chén thuốc, tay dèo mùi chanh ;

« Bảy giờ anh khỏi anh lành,
« Anh ầu duyên mới anh đành phụ tôi ».

Đắng cay dạ thiếp khi xanh mặt,
Mới cũ lòng chàng lúc đỏ da.

THÍCH CÂU

« Mẹ ơi ! con đã có thai,
« Con ơi ! Mẹ cũng được vài tháng nay ».

Mừng mẹ có con, con có cháu,
Rồi con lên mẹ, mẹ lên bà.

NHỚ BẠN THÂN

Một chén tỉnh, say, cười, nói, khóc,
Năm canh thức, ngủ, đứng, đi, ngồi.

THÍCH CÂU CHUYỆN KIỀU

« Duyên em dù nói tơ-hồng,
« May ra khi đã tay bông tay mang ».

Cái thân phận chị đã đành rồi,
Còn chút duyên em những ngậm-ngùi;
Dù nghĩa chàng xưa mà vẹn một,
Ấu tình cháu nó cũng hòa hai.

CẢM HOÀI

Còn nước, còn non, còn vũ-trụ,
Có giới, có đất, có vua tôi,

THƠ VOI LẤY VẦN GÀ

Bong bong, cồng đánh tiếng xa xa,
Chẳng phải voi, xin cuộc một gà.

THƠ CHUÔNG LẤY VẦN UÔNG

Một đàn thằng ngọng rủ xem chuông,
Nó bảo nhau rằng ấy cái uông.

« Hai bài này dẫu không hay gì, nhưng cũng có tài
Tương truyền vẫn ở đời nhà Lê ».

THỜI VẦN

ĐỀ ẢNH NGƯỜI CON GÁI BÊN TÂY

Cô nước nào, da trắng trắng hung ?
Hỏi cô, cô chẳng nói năng cùng !
Nước đời được mấy người như thế,
Mới nửa trên mà đã muốn trông.

Nguyễn Tri-Phú : Nguyễn-Kế,

PHÚ ĐẮC ĐÃ NGÁN CHO ĐỜI LẠI SÓT HOA

Tài thế mà hoa cũng thế à ?
Đau lòng đau lắm nỗi gần xa ;
Giang-hồ đã cảm tình lưu-lạc,
Son phấn thêm càng phận sót-xa ;

Giờ để chi hoài người thế nhĩ,
Đời còn ai biết nỗi niềm ta!
Phen này chạy giầy năm châu đủ,
Góp lấy vàng chung, đúc lấy nhà.

Cử-nhân : Lương-qui-Lập.

ĐÊM DÀI

Đêm sao đêm mãi tối mò-mò,
Đêm đến bao giờ mới sáng cho?
Con trẻ u-ơ chừng muốn dậy,
Ông già thúng-thắng vẫn dậm ho;
Ngọn đèn ngờ trộm khêu còn bé,
Tiếng chó khinh người cắn vẫn to;
Hàng-sớm anh em đã tỉnh chưa?
Tỉnh rồi đánh tiếng gọi làng nhỏ,

THƯƠNG NGHÈO

Cái khó theo nhau, mãi thế thôi,
Có ai, hay chỉ một mình tôi;
Bạc dâu ra miệng mà mong được,
Tiền chữa vào tay đã hết rồi;
Van nợ lắm khi tràn nước mắt!
Chạy ăn từng bữa toát mồ-hôi,
Biết giầy thửa bé ra làm quách,
Chẳng ký không thông cũng cậu bồi.

Tú-tài Từ-diễn-Đông

TẬP THƠ ÔNG TÚ-XƯƠNG

(Ông Tú tên là Nguyễn-tế-Xương người làng
Vi-xuyên (Nam-Định))

BUỒN ĐÊM DÀI

Sực tỉnh trông ra ngõ sáng oà,
Đêm sao đêm mãi thế du à ?
Lạnh-lùng bốn bề ba phân tuyết,
Xao-xác năm canh một tiếng gà ;
Chim-chóc hãy còn nường cửa tổ,
Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa ;
Dù ai có muốn tìm ta đó,
Đánh đuốc soi lên kéo lẫn nhà.

KHI TÚNG

Lúc túng toan lên bán cả giờ,
Giờ cười thẳng bé nó hay chơi ;
Ô hay công nợ âu là thế,
Mà vườn phong-lưu suốt cả đời ;
Tiền bạc phó cho con mụ kiếm,
Ngựa xe chẳng có lúc nào ngơi ;
Còn dăm ba chữ nhồi trong ruột,
Khéo khéo không mà nữa cũng rơi.

NHỚ BẠN THÂN

Ta nhớ người xa cách núi sông,
Người xa xa có nhớ ta không ?
Sao đương vui-vẻ ra buồn bã,
Vừa mới quen nhau đã lạ-lùng ;

Lúc nhớ nhớ cùng trong mộng tưởng,
Khi riêng riêng cả đến tình chung;
Tương-tư chẳng lọ là mưa gió,
Một ngọn đèn xanh trống diêm thung.

VIẾNG VỢ ANH EM BẠN

Kia núi Vu-phong mới bắc cầu,
Thương anh về trước, chị về sau!
Tên đề bảng phấn ai không tiếc,
Tiếng khóc non xanh kẻ cũng sầu!
Có mẹ hãy còn vui gượng lại,
Không chồng hồ dễ sống chi lâu;
Bắc thang muốn hỏi ông cầm sỏ,
Thăm thăm giới xanh ngắt một màu.

NƯỚC LỤT NĂM BÌNH-NGO (1905)

Suốt trong một tháng mấy kỳ mưa,
Ruộng bóa ra ao cỏ dẽ bừa;
Bát gạo Đồng-nai câu chuyện cũ,
Con sào Bình-ngọ nhớ năm xưa;
Trâu, bò buộc căng coi buồn nhỉ!
Tôm, tép vang mình đã xường chưa?
Nghe nói miền nam giới đại-hạn,
Sao không san-sẻ nước cho vừa

TRÔNG BẢNG THI

Mai mà tờ hồng, tờ đi ngay,
Giỗ tết từ đây nhớ lẫn ngày;
Học đã tốn cơm nhưng chưa chín,
Thi không ăn ớt thế mà cay;

Bút, nghiên giao mặc đàn con-trẻ,
Thưng, dẫu nhờ lưng một mẹ mảy : (*Vợ buôn gạo*)
Cống-hỉ, mét-sì đây thuộc cả,
Không sang bên bắc cũng sang tây.

THƯƠNG NGƯỜI TRÁI DUYÊN

Thương ai mà lại tiếc cho ai,
Ai thế như ai nghĩ cũng hoài;
Kìa cái dĩa-tràng xe cát bễ,
Mà con chim cú đậu cành mai;
Chẳng qua kiếp trước đường tu vụng,
Nào chắc ba sinh xếp chữ bài;
Non nước thề nguyên thời xi-xóa,
Quỉ thần nào chứng ở hai vai.

CÔ TÂY ĐI TU

Dứt cái mảy-day ném xuống sông,
Thôi thôi tôi cũng mét-sì ông;
Ấu đành chùa đó, ấu đành bụt,
Cũng chẳng con chi, cũng chẳng chồng,
Chớ thấy câu kinh mà mặc kệ,
Ai ngờ chữ sắc hóa ra không;
Tôi đây cũng muốn như cô nhỉ!
Cái nợ trần-duyên đã chữa xong.

HỎI THĂM ÔNG ẤM

Tôi hỏi thăm ông đến tận nhà,
Trước nhà có miếu có cây đa;
Vườn ao đất cát chừng ba thước,
Nửa lá tre-pheo đủ mọi tòa;

Mới sáu bận sinh đà sáu cậu,
Trong hai dinh ở đủ hai bà;
Lung ông mỗc-thếch như trăn-gió,
Ông được phong-lưu tại nước da.

VỊNH NGƯỜI ĐI THI

Ta thấy người đi ta cũng đi,
Cũng lều, cũng chiếu, cũng di thi !
Đưa chân vợ tốn mười đồng hản,
Sờ bụng thầy không một chữ gì ;
Ơn nước còn nhờ făng giải ngạch.
Phúc nhà may được miễn tràng-qui ;
Xong ba kỳ ấy, thêm kỳ nữa,
Ú ớ u âu ngọn bút chì.

ĐAU MẮT

Vui chẳng riêng ai, ốm một mình,
Có người, người cũng khéo làm thinh ;
Vừa đồng bạc nhưn ông Lang-Sán,
Lại mấy hào con chú Ích-sinh ;
Gọi vợ, vợ còn đương chạy gạo,
Tìm con, con cũng mãi chơi đình ;
Muốn mù giới chả cho mù nhĩ,
Đương mắt coi chi buổi bạc-tinh.

CHƯA MAY ÁO

Bức sốt như mình vẫn áo bông,
Ngỡ rằng ốm dậy chả là không ;
Một đàn rách-rưới con như bố,
Ba chữ nghèo ngao vợ chán chồng ;

Đất chửa đến khi cơn vận đỏ,
Giời làm cho bõ lúc chơi ngông ;
Gần chùa gần cảnh ta tu quách,
Cửa phật quanh năm sẵn áo sồng,

CƯỜI MÌNH

Chẳng phải quan, mà chẳng phải dân,
Ngơ-ngơ ngẩn-ngẩn hóa ra dần ;
Hầu con chè rượu ngày sai vật,
Lương vợ ngô khoai tháng phát dần ;
Có lúc vênh râu vai phụ-lão,
Cũng khi lên mặt dạng vấu-thân ;
Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ,
Lâu để mà xem cuộc chuyền-vần.

RƯỢU SAY

Đời này thức tỉnh những ai đây,
Ai tỉnh cho ta chịu tiếng say,
Buồn ruột cho nên men phải nhấp,
Dở mồm nào biết giọng là cay ;
Bạn cùng quỉ rầy chi cho bạn,
Vui mấy ma men thế cũng hay ;
Ngất-ngưỡng hai tay vợ dũa chén,
Đố ai chánh được cái say này

GIÒI HÒM

Mặt giời đã gác quăng dường xa,
Lững-thững non sông chửa đến nhà ;
Muốn bước, xa chân toàn đất khách,
Hỏi thăm, lạ mặt những người ta ;

Bóng cây nghiêng-ngửa coi rầu-rĩ
Tiếng dế vo-ve rọng thiết-tha ;
Ngánh lại thử xem giới đất tí,
Tối lâu lâu cũng sáng dần ra.

TẶNG NGƯỜI VAY NỢ SỰ KHÔNG ĐƯỢC

Ông bắm ông ăn đũa trọc đầu,
Đầu không có tóc bắm vào đầu ;
Nghĩ mình nghiện nặng cho nên kiết,
Đánh nó ấu chay ý hẩn giàu ;
Một vốn bốn lời mong có lãi,
Năm liều bầy linh cũng không câu ;
Thế mà không được buồn cười nhỉ,
Không được thì ông lại xuống tàu.

ĐƯA CHO BẠN TRONG NHÀ PHA

Cái cách phong lưu lọ phải cầu,
Bông dàu gặp những chuyện dàu dàu ;
Một ngày hai bữa cơm kề cửa,
Nửa bước đi ra lính phải hầu.
Trong tỉnh mấy tòa quan biết mặt,
Ban công ba chữ gác ngang đầu ;
Nhà vuông thong thả nằm chơi mát,
Vùng vậy tha hồ thế cũng âu.

LẠC ĐƯỜNG

Một mình đứng giữa quãng đường xa,
Có gặp ai không để đợi chờ,
Nước biếc non xanh coi vắng-vẻ,
Kẻ đi người lại dáng bơ vơ ;

Gọi người chỉ thấy mây xanh ngắt,
Đợi nước càng thêm tóc bạc phờ ;
Đường đất xa khơi ai mách bảo,
Biết đâu mà ngóng đến bao giờ.

ĐÊM BUỒN

Giời không chớp bể mấy mưa nguồn,
Đêm nào đêm nao tớ cũng buồn ;
Ngủ quách, sự đời thầy kẻ thức,
Bên chùa chú trọc đã hồi chuông.

CHỮ NHỎ

Nào có ra gì cái chữ nhỏ,
Ông Nghè, ông Cống cũng năm co ;
Ước gì đi học làm thầy phán,
Tối rượu sâm-banh, sáng sữa bò.

ĐỒI THI

Nghe nói khoa sau sắp đỏi thi,
Các thầy đồ cõ, đồ mau đi ;
Dầu không bia đá, còn bia miệng.
Vất bút lông ~~đi~~, dặt bút chì.

CÒ LÁI BUỒN

Nước buồn như chị mời ăn người,
Chị thấy ai thì chị cũng cười ;
Chiều khách quá hơn nhà thổ ế,
Đặt hàng như thẻ món tôm tươi ;

Quanh năm ngày tháng đều như một,
Bè-bạn chơi bời cũng chịu lui ;
Còn một nước buồn này cũng lạ,
Buồn buồn bán mệt lũ anh đuôi.

VỊNH CÔ ĐẦU

Cái thú cô đầu nghĩ cũng hay,
Cùng nhau dan-díu mấy đêm nay ;
Năm canh to nhỏ tình ma chuột,
Sáu khắc mơ-màng chuyện nước mây ;
Êm-ái cung đàn chen tiếng hát,
La-dà kẻ tỉnh dặt người say ;
Thú vui chơi mãi mà không chán,
Vô tận kho giờ hết lại vay.

VỊNH NGƯỜI GÁI HÓA MUỐN KẾT DUYÊN MỘT NGƯỜI TÀI-PHÚ

Tôi thấy người ta có nói rằng,
Nói rằng: thẳng cuội ở cung giăng ;
Vùng giờ chi thiếu nơi thanh-quí,
Dì nguyệt dung chi dựa cục-cần,
Ngồi gốc cây đa, đa mọc rễ,
Thò chân xuống giếng, giếng ai ăn ;
Ai ngờ người thế mà ra thế !
Ra thế thì ra thế cũng sảng.

VIẾNG CÔ KÝ MẤT NGÀY MỒNG HAI TẾT

Gái tơ đi lấy làm hai họ,
Năm mới vừa xang được một ngày ;
Hàng phố khóc bằng câu đối đỏ,
Ông chồng thương đến cái xe tay,

NGỤ MÌNH

Giời đất sinh ra thực lắm nghề ;
Làm thầy, làm thợ, lại làm thuê.
Đố ai mà được như ông nhỉ ?
Sáng vác ô đi, tối vác về.

NHÀ HÁT TUỒNG

Nào có ra chi một lũ tuồng,
Cũng hò, cũng hét cũng y-uông ;
Dẫu rằng dối được đàn con-trẻ,
Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn.

ĐƯỢC ĐỒNG TIỀN

Bước chân ra cửa được đồng tiền
Chả phải tiền đâu được tự nhiên ;
Mới biết vua ta là lắm của.
Tên dè Tự-Đức hãy còn nguyên.

TẬP VĂN

BÀI PHÚ DẪN ĐỜI

(Bài giảng lút bà Tiết-phụ làng Hoàng-mai)

Giời đất cao dầy, con tạo vắn-xoay, ơn vua
nhờ thánh, sinh được hội này. ai đều được nức
lòng nức dạ, ai chẳng mong mở mặt mở mày.
Hậu giả hậu lai, ở biển lại gặp lành, mới biết
tre già măng mọc ; ác giả ác báo, ăn mặn thì

khát nước, khác nào cây yếu gió lay. Trách những người thịt bắp vai u, đường lui tới, nhẽ thiệt hơn, ở chẳng trông sau trông trước; nào những kẻ mặt to tai nhớn, trí tang-bồng, duyên hồ-thỉ, đi cho biết đó biết đây. Đương cơn bình địa ba đào, có chí làm quan, có gan làm giàu, sao chẳng khoe khôn cậy khéo; gặp lúc cơn đen vận túng, có mồm thì cắp, có nắp thì dầy, cũng nên giả dại làm ngây. Cửa bụt mất một đèn mười, xin chớ ăn chay nói dối; nam vô một bồ lấy bốn, thà rằng ăn mặn nói ngay, Ngăn cánh vơi chẳng đến giới, trí thiền tài ngu, vòng danh lợi tranh đua thêm ngàn nôi; ra tay gạo xay ra cám, văn hay vũ mạnh, buổi kinh-luân vũng-vầy cũng ghê thay. Bò của chú chú phải lo, con vua vua giấu, con chúa chúa yêu, tình ân-ái chẳng nhằm chẳng lỗi; đèn nhà ai nhà ấy rạng, của anh anh mang, của nàng nàng xách, nợ phong-lưu nơi giả nơi vay. Chị em ơi! lấy chồng cho đáng tấm chồng, cho bỏ lúc nghiền phấn sáp, lúc áp hoa hương, hai chữ cương thường sao cho xứng đáng; quân tề nhĩ! lấy vợ chỉ biết mặt vợ, chẳng nhớ ai bẽ anh-nhi, ai bồng xích-tử, ba năm chứng nước bao quản đắng cay. Có cha có mẹ như đàn có giầy, đạo mẹ đức cha, bề rộng giới cao phải qui; thuận vợ thuận chồng, bề Đông cũng cạn, đạo chồng nghĩa vợ, nguồn ân bề ái khôn tầy. Chị ngã đã có em nung, máu chảy ruột đau, lá rách lá lành đùm bọc; cha sinh không tầy mẹ dưỡng, áo dầy

cơm nặng, công nuôi công dạy đêm ngày. Một cây chẳng nên rừng, đông có mây, tây có sao, đông đúc anh em mới qui; mười voi không bát sáo, kẻ nói thánh, người nói tướng, chớ nghe miệng thể thêm rầy. Lúc vui bày chén chú chén anh, rước voi về dầy mồi, ai chết mặc ai, ra sức nay bán mai cuộc; khi cấp nạn chân le chân vịt, xit chó vào bụi rậm, chú chết mặc chú, tìm đường cao chạy xa bay.

Người Hà-nội, khách Sơn-tây, những tiếng thị phi, cũng lắm kẻ khôn người dại; gái giang-hồ, giai tứ-chiến, mặc ai ngang dọc, tha hồ kẻ bắc người tây. Trẻ chẳng tha, già chẳng thương, ở chẳng phòng xa, vượt mặt không nề mũi; cha cũng kính, mẹ cũng vái, đi đâu mà thiệt, sầy vai xuống cánh tay. Mưa bao giờ mát bấy giờ, kia những lúc rét cắt ruột, lúc đói nhẩn nanh, vận đến nhớ đâu khi rách-rưới; gió chiều nào che chiều ấy, hãy cho nó qua thì đói, nó khỏi thì nạn, thế nào cũng được bữa no say. Báng dầu thẳng trục, không nề dầu ông sư, cứng cổ cứng đầu, ai sá những phường ngu-dại; vắng mặt thẳng ngô, lúc có mặt ông sư, sắp mày sắp mặt, vẫn nghe nhời nói xưa nay. Giặc bên ngô, cô bên chồng, liệu gió giở cờ, đường cư-xử sao cho trọn- vẹn; cháu bà nội tội bà ngoại, vì cây dây quẩn, nhẽ phải chẳng nào dám đổi thay. Giầu đâu ba họ, khó đâu ba đời, đói cho sạch, rách cho thơm, cứ giữ công-bằng cho phải đạo, sống người một nết,

chết người một tật, mẹ sinh con, giờ sinh tính há rằng số phận có ư may. Thiếu gì kẻ đại người hay, ai là người dậy-bảo, ai đem đạo mở-mang, có nhẽ cha chung ai khóc; nhẩn-nhủ giai lành gái tốt, phải nên để vào lòng, phải nên chôn vào dạ, chớ hề mẹ hát klen hay.

BÀI PHÚ THẾ TỤC

(Năm Minh-Minh thứ 14, người làng An-ninh, huyện Vĩnh-thuận, (nay huyện Hoàn-long, tỉnh Hà-dông), thay thuộc Trúc-văn-Nghĩa soạn)

Gớm thay thế tục! gớm thay thế tục! nước chảy bea mê, gió hun lừa đục. Suôi liêm mấy kẻ dâm-dĩa, đường lợi nàiều người chen-chóc. Có trung-nậu cũng là trung hậu bạc, nào đoái hoài nững phường khố rách áo ôm; chẳng nhân nghĩa gì non nhàu-nguĩa tiền, phải cơiều-chuộng những kẻ tiền trăm bạc chục. Mập - mờ khôn caáo, bà lão cuôn kim; giáo-giở lừa nhau, vũ-tần miếng mọt.

Khi được tuế đất nặn nên bụi, nghe hơi khá sấm sấm len bước tới, đen ngõ đàn ruồi; lúc sa cơ rông hóa ra tôm, xem chiều hèn thên-thên vẫy tay ra, nhạt naur nước ốc. Chả biết ăn cây nào rào cây ấy, thấy bờ thì đào; chả biết mất của ta ra của người, cứ mềm thì đục. Kho giữa chợ chả ai tìm hỏi, chẳng mua thù bán dữ cũng thờ-ơ; giầu trên rừng có kẻ đi tìm, không ép dấu nài thương mà đạo-giục.

Mềm lưng uốn gối; tội-tớ đồng tiền; mắt miệng day tay, thề-tuần bực thóc. Lạ buồng thả, bán buôn chả quán, quen lèn đau càng giáo-giở đầu thẳng; giàu nề-nang giật mượn không nề, khó kéo đến lại kéo cừ lãi gốc. Đến gánh nặng, thật hần hoi đón rước, miệng thơn-thớt ngọt như mia nường, đuôi gà khua cá tung-bưng; lại tay không; nào nhìn-nhỡ ử-e, mặt si-sị nặng ngõ đá đeo, mắng chó chửi mèo eo-óc. So-kè chẳng sợ tiếng bon-chen; thờ lợ lại ghê gan hiềm-nóc. Miệng ngọt nhạt của anh như của chú, tương gì, tương cái cóc khô; tiếng dãi-bôi con chị giống con em, trọng gì, trọng con rùa mốc.

Đá đưa đầu lưỡi, tinh những chương-hoàng; sấp-ngửa bàn tay, rặt màu phản-phúc.

Cũng khoe-khoang kẻ trượng-phu từng; cũng khững-khỉnh người quân-tử trúc. Gã bán so từng gốc rạ, kềm lưng đánh cần móng tay; bậu-bè độ những lá gao, hờ cạnh chẳng lia tơ tóc.

Nào từng biết phải biết chẳng; muốn những vừa chao vừa súc. Thấy người sang muốn bắt quàng làm họ, thuyền đua bánh lái cũng đua; làm kẻ khó muốn đánh độ mấy giàu, cục mọc tia-tô cũng mọc. Chẳng nói nên bởi nổi tay không, chẳng cứ đến bởi chung đầu trọc.

Khó đành phận khó, bèo đã biết thân bèo, bèo đầu giám chơi trèo, ai dễ thương ai, ốc chả nổi mình ốc, ốc đầu mang được cọc.

Chốn nghĩa-nhân nhạt-nhẽo hững-hờ; nơi tài-lợi mặn mà sẵn-sóc. Làng tương địa bán ruộng chung thiên-hạ, chỉ tay hồ, chỏ tay long; bợm câu duyên, buôn tiền xấu thế-gian, nghĩ mình vàng khoe mình ngọc. Vụng kiếm ăn thì chề sắc như vờ; khéo lừa-đảo lại khen khôn có nọc. Trong cúi-luồn năm dạ mười vâng; ngoài uốn-éo ba lừa bảy lọc. Kẻ xuất gia dấp toan buôn cá bựt, tu gì mà tu, tu mu, gã nhập môn toan những lật cả thầy, học gì mà học, học chọc. Ấy thế mà gáp-ghé đứng tòa sen; ấy thế mà đua-chen nhằm áo vóc. Cũng có kẻ mượn quỷ thần kiếm lễ, khua mõ tay, dối bà cô ông mẫu dưng-dưng; cũng có người mượn nàng di lấy tiền, che quạt miệng, nói kẻ khuất người còn song-sóc. Nhời vô sự bất trách biếng tai nghe; chữ vô vật bất linh qui miệng đọc.

Bói võ-vẽ vài câu truyền khẩu, cũng mang hòm, kiếm vật, chưa thông quẻ chiều quẻ cộng (1) cũng xem; thuốc mậ-mờ mấy vị nhập tâm, cũng sách túi chạy dong, chưa rõ con bê con hiền (2) cũng bốc. Chước sinh-nhai như thế có ra gì; nghề học-thuật nghĩ mình là chín nục.

Sao chả biết cầm đuốc soi cho kỹ, nết thực-thà hơn nết văn-hoa; ăn mắ-mắm về sau, đường ngang thẳng hơn đường gai-góc.

(1) Bói, quẻ kiên thì nhằm ra quẻ chiều, quẻ tổn thì nhằm ra quẻ cộng.

(2) Thuốc, con tì thì nhằm ra con bê, con thận thì nhằm ra con hiền.

Kẻ có nhân mười phần chẳng khó, có chi mà buộc cổ mèo treo cổ chó, lẩn-thần lẩn-thần; người biết lo bằng kho hay làm, can chi mà tham con riếc tiếc con rô, cù-dù cùc-dúc. Chẳng thấy người mua lừa bán đảo, bốt tay sốt đòi tay nguội, sung-xương bao ngày; chẳng thấy người ăn sồi ở thì, vào cửa mạch ra cửa tà. Khá hay mấy lúc. Thương người ấy là thương mình; làm giàu sao bằng làm phúc.

Chú khi nì mi khi khác, gọi là cú có vợ mừng; ăn miếng chả giả miếng bùi, chớ để ta cười người khóc. Giàu về vợ sang về bạn, nhất kiến như cựa tức, giầy mỏng sân-siu; đông có mây tây có sao, cứu đại hơn ngoại nhân, rách lành dùm bọc.

Tốt lời sao bằng sáu đều; ngọc đàn còn hơn khôn độc. Miễn được áo ba manh, cơm ba bát, mặc dầu thùng-thỉnh thung-thỉnh; nào ai giàu ba họ, khó ba đời, lọ phải thoi-moi thóc-móc. Thông-thả nên xem trong sách, găm cổ nhân đặc thất đề mà suy; nôm-na gọi phép mấy nhời, khuyên tử đệ ngôn hành cho kiếm thú.

BÀI DẶN CỜ BẠC

Gớm thay cờ bạc! gớm thay cờ bạc! chẳng ớt mà cay, như sung càng chát! bỏ bả nhau bằng con bài, đánh cạm nhau bằng đĩa bát. Có không không có, như chuyện chiêm-bao; khôn đại đại

khôn, lừa nhau mũi mác. No cơm có lúc rồi
nghè; quăng mỡ bày trò đồ-bác. Một trăm hai
mươi quân trận trận, ba hàng ngang dọc đảo
điên; bốn đồng mười sáu chữ rành rành, hai
mặt âm dương sô-sát. Trước chơi sau thực. mon-
men gần đến chuyện ăn thua; vào nhỏ ra to,
kỳ cục mãi ra lòng bạc ác. Được lúc hòn son
đeo khố, ừ không thập-hồng bạch-định, chờ nọc
lên chi nầy dưng-dưng; dương khi đầu rắn giắt
lưng, nhớ tin cặp-lệch ba-bay, theo lối trúng
khuôn rền chan-trát. Trước mặt để đồng tiền sù-
sụ, hỏi lòng mặc sức ba-hoa; trong lưng mang
túi bạc kè kè, béo mỡ tha-hồ phân phát.

Của ngon vật lạ, đưa đến như mưa; bạc đón
tiền đưa, khát hơi như giác. Nào những chú
cao lâu tìm đến, súm quanh mời công-tạo bi-bô;
nào những cô hàng sáo rủ về, tán mảnh chuyện
nhân-tình kia khác. Chắc hẳn giỡ nhà về thối,
trông lăm-lăm những bụng ăn người; biết đâu
phá đụn đi xin, chơi mãi-mãi có khi bỏ xác.

Đến lúc họa lai thần ám, bài xoay quanh bỏ
chực bỏ ừ; phải khi vận bĩ quỷ trêu, bạc đuối
nước càng thua càng khát. Xóa cuộc này bày
cuộc khác, đen lại hoàn đen; đòi phần nợ bỏ
phần kia, nát thì cũng nát.

Quá tay nên nổi nợ-nần; nóng mặt tìm đường
gõ-gạc. Vợ cào vợ cấu, lãi mấy cũng ừ; lính
già-lính non, của ai cũng chạc.

Hàng-sáo gặp phải tay nanh-nọc, giờ đầu bò võ tuột cũng không xong; nặc-nô giầy phải lũ du-côn, sẵn móng lợn chạy bừa mà chẳng thoát. Khi mới phải chốn nằm só nhà, khi mới phải lủ trên só gác; khi mới phải bán cửa bán nhà, khi mới phải cố đồ cố đạc.

Lo đến nợ bần chồn mất ngủ, đặt xuống năm thì lại giật mình; nghĩ đến tiền ngao ngàn quên ăn, nuốt vào cổ hình như mắc chạc. Vợ con cũng hết lòng thương; bè bạn cũng ra tình nhác. Mất danh mất diện, quá chơi mà nên kẻ lãng-nhãng; hại thân hại đời, chót đại hóa ra người ngư-ngác. Thế mới biết ngồi vào đám bạc, già không thương trẻ, thẳng cũng như ông; thế mới bay lâm đến đồng tiền, con chả từ cha, cháu không tha bác. Cao hạ bằng đẳng, lão-cáo lão-cáo; cốt nhục tương tàn, sắc-sơ sơ-sắc. Nghĩ đến chữ tham tài nhi tử, kẻ máu mê thời chót đại thì chừa; nhớ đến câu đương cục giả mê, người trông thấy phải giữ-gìn cho giát.

TẾ TRẬN VONG TƯỚNG SĨ

(Quan Tiên-quân Nguyễn-văn-Thành đứng tế đời vua Gia-Long ta. Tương truyền: đọc xong bài văn tế ở đàn bên sông, thì cạn hết ba tuần rượu mà dưới sông có tiếng khóc ba quân. Quan Vũ-Lượng soạn)

Than ôi! Giới Dỡn-phố vụn ra Sóc-cảnh, chải mấy phen dan-khồ mới có ngày rầy; nước Lô hà

chạy xuống Lương-giang, nghĩ những kẻ điều-
linh kẻ từ thừa nọ. Cho hay sinh là ký mà tử
là qui; mới biết mạnh ấy yếu mà danh ấy thọ

Xót thay ! Tinh dưới viên mao, phận trong
giới trụ. Ba nghìn hợp con em đất Bái, cung tên
ngang dọc chí nam-nhi; hai trăm vây bờ cõi non
Kỳ, cơm áo nặng đầy ơn cưu chủ.

Liều thân cho nước, son sắt một lòng: nổi
nghĩa cùng thầy, tuyết sương mấy độ.

Kẻ thời theo cơ-dịch bước sang miền khách
địa, hăm-hở mài nanh rửa vuốt, chỉ non đoài
thề chẳng đội giới chung; kẻ thời tránh viêt mao
giở lại chốn sơ-cơ, dập-diu vươn cánh giương
vây, trông cõi Bắc quyết thu về đất cũ.

Nằm gai nếm mật, chung nổi ần-ưu; mở suối
bắc cầu, riêng phần lao-khò.

Trước từng trái Tiêm-la, Cao-man về Gia-định
mới dẫn ra Khánh, Thuận, đã mấy buổi sơn
phong hải lễ, giới Cao, Quang soi tỏ tấm kiên-
trinh; rồi lại từ Đồ-bàn, Nam-ngãi, lấy Phú-xuân
mà thẳng tới Thăng-long, biết bao phen vũ pháo
vân thê, đất Lũng, Thục lăn vào nơi hiểm-cố.

Phận truy-tùy găm lại cũng cơ-duyên; trường
tranh-đấu biết đâu là mệnh số.

Kẻ thời chen chân ngựa quyết giật cò trong
trận, sót nhẽ gan vàng mà mệnh bạc, nắm lông
hồng theo đạn lạc tên bay; kẻ thời bắt mũ

thuyền toan cướp giáo giữa giòng, thương thay phép trọng để thân khinh, phong da ngựa mặc bèo trôi sóng vỗ.

Hồn tráng-sĩ biết đâu miền minh-mạc, mịt-mù gió lốc, thổi dẫu tha hương ; mặt chinh-nhân khôn vẽ nét gian-nan, lập-lòe lửa chơi, soi chùng cồ-độ.

Ôi ! cùng lòng trung-nghĩa, khác số đoản tu, nửa cuộc công danh, chia phần kim cồ.

Đoái là tiếc xương đồng da sắt, thanh bảo-kiếm đã trăm rèn mới có, nợ áo cơm phải giả đến hình-hài ; những là khen dạ đá gan vàng, bóng-bạch câu xem nửa phút như không, thù dầy đội cũng cam trong phế phủ.

Phận dù không các khói đài mây ; danh đã giậy ngàn giâu nội cỏ.

Tiếc vì thừa theo cờ trước gió, thân chả quản màn xương dệm giá, những chờ xem cao thấp bậc cân thường ; tiếc cho khi nhớ bước giữa dòng, kiếp đã về cõi suối làng mây, nào kịp thấy ít nhiều ơn vũ lộ.

Vâng Thượng đức hồi loan thàng trước, đoàn ứng nghĩa dẫu Quảng, Thuận, Nghệ, Thanh cũng vậy, đội ân quang đeo khắp xuống dèo ngang ; mà những người từng thượng trận ngày nay, dấp tấu công từ ngộ, vị, thân, dậu đến giờ, treo tinh tự để năm sáu lá sỏ.

Ngọn còi dục nguyệt, nơi tẻ nơi vui; dịp
trống đồn hoa, chốn tươi chốn ủ. Đã biết rằng
anh-hùng thì chẳng quản, trăm trận một trường
oanh liệt, cái sinh không, cái tử cũng là không;
nhưng tiếc cho tạo-hóa khéo vô tình, ngàn năm
một hội tao-phùng, phận thủy có phận chung sao
chẳng có.

Bản trước nay, vàng việc biên phòng, chạnh
miền viên-thú. Dưới trường nước mùi trung vạc
sực nhớ khi chén rượu rót đầu ghềnh; trong
nhà rõ vẻ áo xiêm, chệnh nghĩ buổi tấm cừ
hong trước gió. Bâng-khuàng kẻ khuất với người
còn; tưởng-tượng thấy đầu thì tở đó.

Nền phủ định tới đây còn sốc-nổi, ngụ lòng
một lẽ, chén rượu, thoi vàng; chữ dữ-đồng
găm lại vốn đina-ninh, khắp mặt ba quân, cò
đào áo đỏ. Có cảm thông thì tới đó khuyên, mời,
dù linh tính hãy nghe lời dạy-dỗ.

Trường chinh-chiến hoặc là oan hay chẳng,
cũng chó nê kẻ trước, người sau, hàng trên,
lớp dưới, khao hưởng rồi, sẽ tấu biển dương
cho; hội thăng-bình đừng có nghĩ rằng không,
dù ai còn cha già, mẹ yếu, vợ hóa, con côi, an
tập hết cũng ban tồn tuất đủ.

Hồn-phách đầu đều ngày tháng Thuần, Nghiêu;
hài-cốt đó cũng nước non Thang, Vũ.

Cơ huyền-diệu hoặc thặng chằm chưa rõ,
thiênng thời về cố quận, để hương thơm lửa sáng

kiếp tái sinh lại nhận cử tiền quân ; miễn tôn thân dù sinh tử chớ nề, thiêng tài giúp Hoàng-triều, cho bề-lặng sông trong, duy vạn kỷ chữa rời ngôi bảo-tộ.

Thượng-hưởng !

BÀI VĂN TẾ QUAN PHÙ-MÃ NGUYỄN-VĂN-TÍNH VÀ QUAN THƯỢNG-THƯ NGÒ-TÔNG-CHU

(Đời vua Gia-Long, hai ông bị quân Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ vây ở thành Bình-định, một ông uống thuốc độc, và một ông đốt cháy chết).

Than rằng : Đạo thần tử hết lòng thờ chúa, gian-nan từng dãi dạ caung-thành ; đứng anh-nùng vì nước quên mình, biển dâng dám lay lòng tiết-nghĩa. Ngọc dù tan vể trắng uào phai ; trúc dầu cháy, đốt ngay còn dề.

Nhờ hai người thao lược ấy tài, kinh-luân là chí, giúp vạc Hán thừa ngôi giới chéch lệch, chém cây đuồi lũ hung tàn ; vêu xe Đường khi thế nước chông-chênh, kẻ bút ra tay kinh-tế.

Nổi nghĩa sánh duyên các tia, bước gian-nan từng cậy dạ khuông-phù ; nản kinh giúp sức cung xanh, công mông dưỡng đã dành lòng uỷ-ký.

Hậu quân thừa trao quyền tứ-trụ, chữ ân-uy hơn nhỏ đều phu ; Lê-bộ phen giúp việc chinh-khanh, bề trung-ái sớm khuya chẳng trễ.

Ngoài cõi vượt nanh ra sức, chí tiêm cừu đánh
dãi xuống tam quân ; trong thành lòng dạ chia lo,
bề ưu quốc đã thấu lên cừu bệ.

Miền biên khôn hai năm chia sức giặc, vững đạo
tôi chi quản thế là nguy ; cõi Phú-xuân một trận
giật uy giới, nặng việc nước phải lấy mình làm nhẹ.

Sửa mũ áo lậy về bắc-khuyết, ngọn quang minh
hun nát tấm trung-can, chỉ non sông đã mấy cô-
thành, chén tân-khồ nhấp ngon mùi chính-khí.

Há rằng ngại một phen thử thạch, giải trùng vi
mà tìm tới quán vương, bởi vì thương muôn
mệnh tì hưu, thì nhất tử đề cho toàn tướng sĩ.

Tiếng hiệu-lệnh mơ-màng trước gió, ân tín xưa
người bộ khúc đau lòng ; bóng tinh-trung thấp
thoảng dưới đèn, uy-nghi cũ kẻ liêu-bằng sai lệ.

Cơ dẫn-dịch kịp chày đánh hện buổi, sót tướng
doanh sao vắng mặt thân-huân ; phạm truy-tùy
gang tấc cũng đèn công, tiếc nhung-mạc bỗng thiệt
tay trung-trì.

Nay gặp tiết thu, bày tuần úy tế.

Hai chữ cương-thường nghĩa nặng, rõ cồn hoa
cùng thỏa chốn u-minh ; ngàn thu quang nhạc khi
thiênng, giúp mao việt đề mở nên bình-trị.

GIẢI PHÚ

(Quan Phó-bảng Phạm-văn-Ái người làng Đông-
tĩnh, tỉnh Bắc-ninh soạn.)

Uầy kia ai, vô hình vô chùng, tất-ta tất-tới,
mất nét ngung-ngang, ra điều khảng-khái. Ý giận

kẻ độc-phu đông-ngược. tiếc cơ-dồ mà giả cách
ngần-ngờ; hay quen phùng đồng quán vui chơi,
mảng phong cảnh mà nên chiều mê-mải.

Bởi vì chưng, lúc thoát bầm-sinh, khi vừa ngang
ngái, giới già lân-cần, phú tinh nhâm mà điều chỉ
bỏ khuấy đi; bà mụ vụng-về, nặn hình xấu mà con
tâm vè tit lại.

Khiếu vốn hẹp-hòi, nghĩ không thông-thái, mọi
việc mọi sai, động làm động lỗi.

Ăn không trông nôi, ngồi không trông hương,
biết đâu chề sắp mặt chi cày; chơi chẳng lựa đôi,
ở chẳng lựa nơi, coi chẳng khác kẻ môn chi mối.

Bát sát Thiên-lôi chi nói, léo-nheo như mõ réo
quan viên; lục lãng bát giác chi đi, lật-dật như
sa vật ông vải.

Sắng cả mọi điều, dở nào một cái, đi buôn thì
buôn buồn bán người ngậy, đi cày thì cày nhâm
đôi luống lại, đi gánh tui giở vai quây trước họng,
lưu-cùn chi sư-tử cụt đuôi; làm thợ thì mang
nặng thở hơi tai, hồng-học chi kỳ-lân cắn quái.

Thuốc thì chấp hàn, ôn, bình, nhiệt, bạ gì bốc
ấy, đến chết hã còn khoe; bói thì quen đan, sách,
trùng, giao, gieo đoán đoán liền, rằng nhâm mà
vân cãi.

Giở nghiệp học-hành, hư thân trê-nải, viết chữ
xấu mà không thềm xem thiếp, gà bới bếp chi
dọc ngang; vắn làm dài mà chẳng rút vào khuôn,
chó chạy đường chi nhớ-nhái.

Cái học học nhằm, cái may may đại.

Khi thi vớ vài câu cũ rích, biết trùng kiến là điều có tội, mà một chữ bẻ làm hai, làm ba không đổi, cầm đầu viết cố chẳng gìn tay ; khi đồ vay ít bạc tiêu hoang ; biết bội hoàn là cái lệ thường, mà một đồng lãi ra năm, ra bảy chẳng nề, nhắm mắt chơi liều không sợ lãi.

Ngần nào là mê kiệu mê cờ ; ngần nào là nghiện thuốc nghiện sai.

Ngần nào là chiết riệu đánh đồ chứa chan ; ngần nào là uống chè bỏ rơi vương-vãi.

Đánh bạc những mắc tiền màn, quay cựa, cố dần quần lĩnh áo the ; đi chơi phải lừa thuốc ngái, bùa-yêu, bán hết ruộng trâu nái.

Lại lúc c dùi chầu thùng-cắc, tai ngọt câu thơ câu thổng, chết mê chết mệt mấy cô đầu ; lại khi lỏng đèn bóng tò-mò, lòng ham chiều lịch chiều thanh, bết ruột hết gan cùng bọm gái.

Trước đành trẻ chưa biết nghĩ, thùng chàm ấy đúng rồi ; nay sao già chẳng chót đời, áo toi kia khoác mãi.

Thôi thì kiếm thuốc chữa dần, tìm thầy cúng vái, hoặc số trước mệnh viên có kém, phải tìm sao thai mộ tiên đưa : hay ngôi xưa tiên-oánh làm nhằm nên tìm đất cần khôn để cái.

Miễn sao chơ trước đại như bò ; rầy khôn như nhái.

Nói đâu ra đấy, ai cũng tin nghe ; làm ấy điều nên, người cùng kính dái.

Dầu gặp đũa thiên tinh địa quý, chưa dễ bán mà ăn ; dù vào nơi vạn tử nhất sinh, đi đâu không chút ngại.

So họ Ninh không thua đỉnh chút, chải khi bình khi loạn cũng điều yên ; đến thầy Cang còn kém vài phân, gồm việc nước việc nhà đã hết phải.

Đề cho khách trong đời khen tặc tặc, khôn thể mới khôn ; bao nhiêu điều ngày cũ sạch láng láng, đại gì mà đại.

BÀI PHÚ THẦY ĐỒ ĐI TRỌ
(Lây vân trọ nhà cô Quán Kinh)

Quân bắt kiến, núi Đọi đặng kia, sông Lê bên nọ ; có một thầy đồ hề kỳ mũi lỗ ; nón đũa giầy da, áo lương, quần lụa ; giọng pha Nguyên-mặc, bài truyện, bài kinh, hơi luyện Đường-nhân, câu thơ câu phú ; gặp hội phong-vân long hổ, nhà nước mở khoa, giở nghề bút nghiên văn-chương, thầy đồ đi trọ.

Trọ ở đâu à ? rằng ở tỉnh nhà ; mặt rửa chi chậu thau bể đá, dit ngồi chi chường kỷ ghế hoa ; phong-lưu quen thói thị-thành, chốn thanh-lich dãi người thanh-lich, nhà cửa quanh năm vắng vẻ, mẹ đàn-bà con cũng đàn-bà ; sự vui được chốn thanh nhàn, tiếng thì mặc tiếng, chủ cũng yêu người văn-tự, ta lại gặp ta.

Ư thị, mượn cái đĩa ngô, bày trăm cau khô ;
viết : tôi anh đồ, xin trọ nhà cô ; gánh tủ sách,
quầy hòm đồ ; này khăn này áo, này thày này
trò ; sẵn sàng nước rót cơm bung, ba đồng một
tháng, bè-bet rượu ngon nhắm tốt, hai bữa đôi
hồ ; tường đông ai khéo xoay-vần, mắt Kim-
Trọng đôi bên ngấp-nghe, cửa sổ gió đưa phấp-
phới, đàn Trương-Như mấy khúc nhỏ to.

Phù dĩ ; hương lửa gần quen, tâm hơi chẳng
quản ; một dấy một đây, nên bầu nên bạn ; thày
đồ nghe cũng cứng, gắng sức dùi mài ; nhà chủ
mở ngôi hàng, ra tay buôn bán.

Mấy quyền tân thanh chi truyện, đọc lại thêm
vui, vài thiên Trịnh Vệ chi âm, ngâm mà chẳng
chán.

Khởi bất dĩ, cô thời buôn bán, tôi thời học-
hành ; nhời ăn tiếng nói, nấu sử sôi kinh ; ngày
sáu khắc, đêm năm canh ; say vì nết, mệt vì tình ;
dù ai dạn ngọc thề vàng, giới cao bề rộng, mặc
kẻ cười hoa cợt nụ, gió mát giăng thanh.

BÀI PHÚ HỒNG THI (*Ông tú Xương*)

Đau quá đòn ghen, nóng hơn lửa bỏng ; hồ bút
hồ nghiên, túi lều túi chõng ; nghĩ đến chữ nam-
nhi đặc chí, thêm nổi thẹn-thùng, ngâm đến câu
quyền thổ trùng lai, nói ra ngấp-ngọng ; thế mới
biết học tài thi phận, miệng đàn-bà con trẻ nói
thế mà thiêng, nào ai ngờ chữ tốt văn hay, tài
Bảng-nhơn, Thâm-hoa nhớ ra cũng hồng.

Có một thầy, dốt chả dốt nào, chữ hay chữ lỏng ;
nghiện chè nghiện rượu, nghiện cả cao-lâu, hay
hát hay chơi, hay nghề sống lỏng ; quanh năm
phong-vận, áo hàng tàu, khăn lượt, ô Nhật-bản
xanh, ra phố sênh-sang, quần cát-bá, tất tơ, giầy
Gia-định bóng ; giá cứ chăm nghề đèn sách, thì
mười lăm mười sáu, đồ tự bao giờ, chỉ vì quen
lối thị-thành nên một tuổi một già, hóa ra lỏng
đóng. Tú dốt bang dữa năm Giáp-ngo, nổi tiếng
đầu trò, con nhà nghề ở đất Vị xuyên, ăn phần
cổ lọng.

Năm vua Thành thái mười hai, lại mở khoa thi
Mỹ-trọng ; kỳ đệ tam văn đã viết rồi ; bản-đệ tứ
chữa ra còn ngóng ; thầy chắc hẳn văn-chương
có mực, mượn khách xem dò, cô mừng thầm
mũ áo đến tay, gặp người nói mộng ; sáng đi lễ
phật, còn kỳ này kỳ nữa là xong, đêm dậy vái
giời, qua mồng bốn mồng năm cho chóng.

Nào ngờ bảng nhỏ có tên, ngoại hàm còn chổng :
kẻ đến sáng văn còn được chấm, bảng cót
nghênh-ngang, người ngồi khuya tên hải được
vào, áo dài lưng-thụng, Thi là thế, học-hành là
thế. Tri kỷ cùng ai, người ở đây hồn-phách ở
đâu, than thân mấy bóng.

Thôi thì thôi, sách vở mập-mờ văn chương
lỏng-ngóng ; khoa trước đã chầy, khoa sau hẳn
chổng ; ý có kẻ lo-toan việc nước, vua chữa dùng
tài, hay thiếu người dạy-dỗ đàn em, giới còn để
học.

BÀI PHÚ THÀY ĐỒ DẠY HỌC

(Ông tú Xương).

Thày đồ thày dạy, dạy học dạy hành ; vài quyển sách nát, ba thàng trẻ ranh ; văn có hay đã đỗ làm quan, võng điều võng thắm, vũ có giỏi thì ra giúp nước, khố đỏ khố xanh ; chắc hẳn thày văn dốt vũ dốt, vả lại vừa gàn vừa dở, vậy nên thày lẩn-quần loanh-quanh.

Xem thày, con người phong-nhã, ở chốn thị-thành ; râu dậm như chồi, đầu to tấy canh ; đã lắm phen đi đó đi đây, thất diên bát đảo, cũng nhiều lúc chơi liều chơi lĩnh, tứ đốm tam l hoanh. Nhà linh tinh quan, ăn dặt những thịt quay nạp-xương, mặc dặt những quần vân áo xuyên, dặt lẽ quê thói, chỗ ngồi cũng ăn thư bản độc, ngoài hiên cũng canh xếp mảnh mảnh.

Cần có một mụ, sinh được bốn anh, tên Uông tên Bái, tên Bội tên Bành ; mẹ muốn con hay, đắp một nồi biễn cò áo mũ, chủ rước thày học tinh đủ tiền, chè rượu com canh ; chọn ngày lễ bái, mở cửa tập-tành ; thày ngồi chính-chện. trò đứng chung-quanh dạy câu Kiều này, dạy khúc lý Kinh ; dạy khi lên ngựa xuống xe, đứng ngồi phải phép, dạy lúc cao lâu ch liếu rượu, ăn nói cho sành.

.

BÀI VĂN VỢ TẾ HẾT TANG CHỒNG

(Người Hà-nội)

Cử-nhân Đoàn-như-Chương soạn

Than ôi! Non Nùng hạc lánh, sông Nhị mây
trôi; một ngày một vắng, đôi ngả đôi nơi; đạo
vợ nghĩa chồng, duyên ngộ-hợp xiết bao ân-ái,
kể về người ở, phận khuê vi nhiều nỗi chua cay.

Thiếp nhớ từ đào non sen ngó, lục thắm hồng tươi;
duyên đẳng gió thuận, lá thắm thơ bài; đàn Trưng-
Nhu giao khúc phượng-hoàng, xo dây cầm sắt,
cầu Chức-nữ nhờ tay Ô-tước, lựa dịp trúc mai;
tơ đồng đã bén dao loan, năm bảy độ hùng bi
mộng hiệp, dây gửi may nhờ côi bách, mấy mươi
năm gia thất duyên hải; khi xem hoa tinh-đế thú
Tây-hồ, yêu hương tiếc nhị, lúc dạo nguyệt đoàn
viên cầu Hoàn-kiếm, chung bóng sánh vai; biết
bao mây sớm đèn khuya, tóc tơ một ước, vẫn
chắc giời cao bề rộng, non nước còn dài.

Nào ngờ giếng già độc-địa, con tạo trêu người;
đá mòn sông cạn, ngọc nát vàng phai; ngao-ngán
nhẽ buồng văn sương-giá, ngần-ngơ nhường gối
chéch giếng soi; vườn hòe dăm chút thơ-ngây,
khuya sớm một mình khuyên dạy, sân tử hai chồi
sương tuyết, chân cam ai kể đỡ thay.

Thôi thì thôi! Không không sắc sắc, kiếp kiếp
hồi hồi; nợ duyên số trước, may dũi cơ giời;
há ông xanh thử khách hồng nhan, chia uyên rẽ
thủy; lạy dì Nguyệt ghen người má phấn, cậy sắc
khoe tài.

Nay mình dương xa cách, ngày tháng đưa thoi,
một đời tám chín mười chờ khôn thấy, ba năm
hai mươi bảy tháng vừa rồi; gạt giọt ngọc kinh
dâng vài chén, dải gan vàng quyết đoán một nhời,
đắp lạnh quạt nồng, tắc cổ xin thay người cũ
gìn vàng giữ ngọc, ôm cầm thề chẳng thuyên ai.

BÀI CA

ĐÁNH CỜ NGƯỜI

(*Hồ-xuân-Hương soạn*)

Chàng với thiếp canh khuya dẫn dọc,
Đét đồn lên đánh cuộc cờ người.

Hẹn rằng dấu chỉ mà chơi,
Cấm ngoại thủy không ai được biết;
Nào tướng sĩ dàn ra cho hết,
Đề đôi ta quyết chí một phen,

Quân thiếp trắng, quân chàng đen.

Hai quân ấy chơi nhau đã đã lừa,
Thoạt mới vào chàng liền nhẩy ngựa,
Thiếp vội vàng vén phừa tịnh lên.
Hai xe hà chàng gác hai bên,
Thiếp sợ bí thiếp liền gánh sĩ,
Chàng lừa thiếp đương khi bất ý,
Đem tốt đầu dú-di vô cung,

Thiếp đương mắc nước xe lồng,
Nước pháo đã nổ ùng ra chiếu,

Chàng bảo chịu thiếp rằng chữa chịu.
Thua thì thua quyết niu lấy con ;
 Khi vui nước nước, non non,
Khi buồn lại giở bàn son quân nga.

BÀI CA VỢ CHỒNG NGÀU

(Ông Tú-Xương soạn)

Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,
Con gái lấy chú chẵn trâu cũng phiền ;
 Một là duyên, hai là nợ,
Mối xích-thắt ai gỡ cho ra ;
 Vụng-về cũng thể cung-nga,
Trăm khôn nghìn khéo chẳng qua mục-dồng ;
 Hay là sợ ế chồng chẳng tá,
Dối công dâu kén cả chọn canh ;
 Lấy ai ai lấy cũng đành,
Rề giời dâu đến cả anh áo buồm.

NÓI CHUYỆN VỚI GIĂNG

Tiết thu dạ giời quang mây tạnh,
Chốn lữ-dinh sực tỉnh canh khuya ;
 Tai nghe văng-vẳng bốn bề,
Gương Nga vằng vặc dải hè quế lan,
 Thấy giăng mà động lòng vàng,
Ngâm câu vấn nguyệt mà doan mấy nhời.
 Hỏi dì nguyệt mấy nhời sau trước,
Duyên có sạp mà được thành thời ?

Nguyệt rằng: vật đời sao đời,
Gương này giới để cho người soi chung.

Làm cho mỗi mắt anh-hùng,
Ngàn thu sương tuyết, một lòng thanh-quang.

Hỏi dì nguyệt có đường lên tới?

Chốn thiềm cung cách mấy mươi xa?

Nguyệt rằng: ta lại với ta,
Có cây dan-quế ấy là chị em.

Khách trần thử tới mà xem,
Kìa gương ngọc thỏ, nọ rèm thủy-tinh.

Hỏi dì nguyệt có tình chằng tá?

Chứ niên hoa phỏng đã nhường bao?

Nguyệt rằng: chút phận thơ đào,
Càng lên càng tỏ, càng cao càng tròn,

Tấm gương vắng-vặc chằng mòn,
Bao nhiêu tinh dầu là con cái nhà.

Hỏi dì nguyệt Hằng-nga mấy tuổi?

Cứ ngày rằm đến tối thì ra.

Nguyệt rằng: ta lại biết ta,
Minh minh trường dạ ai là biết ai,

Vậy nên mở mắt soi đời,
Biết nơi nham-hiềm, biết người tà-dâm.

Thấy nguyệt hỏi lòng càng yêu nguyệt,

Biết lòng ta có nguyệt hay chằng,

Muốn lên cho đến cung giăng,
Kết duyên cho được chị Hằng mới tha,

Một giăng với lại một ta,
Biết nhau chỉ có canh ba điểm thùng.

Nguyệt thong thả ướm lòng lại hỏi,

Cõi trần gian là cõi làm sao?

Cuộc đời xem tựa chiêm-bao,
Công Hầu Khanh Tướng xôn-xao trong vòng,
Tranh nhau vì chút hơi đồng,
Cướp nhau vì miếng đỉnh-chung của giới.
Nguyệt lại hỏi đến người quân-tử,
Buổi vân-lôi đôi chữ kinh luân,
Ta rằng: đã có thánh thần,
Ra tay bát loạn nên thân trị bình,
Còn phượng trục lợi tham danh,
Trò đời xem cũng ra tình phù-su.
Nguyệt lại hỏi rùng nho mấy kẻ?
Quyết ra tay bẻ quế Trường-an,
Ta rằng: cá nước chim ngàn.
Đời nào chẳng có phượng-hoàng kinh ngư,
Ta hỏi nguyệt ngần-ngơ ngo-ngần,
Nguyệt hỏi ta thơ-thần thần-thơ.
Rèm hoa trước gió phát-phơ,
Hiu-hiu gió thổi hương đưa ngạt-ngào,
Canh khuya bóng nguyệt càng cao,
Nguyệt ta, ta nguyệt biết bao nhiêu tình,
Mấy câu ngâm chốn lữ-dình,
Có ai biết nguyệt biết mình chẳng ai?

CÁC BÀI TẬP KIỀU

(Lá đơn hai người cô-dâu đến tóra quan,
bị người dân đánh mẹ)

(*Huyện Tiên-lăng, tỉnh Kiên-an*)

Rằng tôi chút phận đàn-bà,
Song song đưa tới sân hoa lậy qui.

Xót mình cửa các phòng khuê,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường.
Sá chi liễu ngõ hoa tường,
Dớp nhà nhờ lượng người thương dám nài.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Ngần ngơ trăm mối, dùi mài một thân.
Tuồng vô nghĩa, ở bất nhân,
Đã xoay đến thế còn vãn chữa tha.
Khéo oan gia, của phá gia,
Đang tay đập liễu vùi hoa tươi-bời.
Cúi đầu nép xuống sân mai,
Hết điều khinh trọng hết nhờ thị-phi.
Vị chẳng xét tấm tình si,
Con ong cái kiến kêu gì được oan.
Sao cho cốt nhục vẹn toàn,
Nỗi riêng luống những bản hoàn niềm tây.
Trộm nhờ sấm xét ra tay,
Thế nào xin quyết một bài cho xong.
Đã đưa đến trước cửa công,
Lượng trên trông xuống biết lòng có thương.
Thương sao cho vẹn thì thương,
Liệu bài phương tiện mở đường hiếu sinh.
Gót đầu mọi nỗi đình ninh,
Còn nhiều kết cỏ ngậm vành về sau.

VỊNH HOA THỦY TIÊN

(*Quan Tiên-sĩ Chu-mạnh-Trinh*)

Thương ôi sắc nước hương giới,
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Đào-nguyên lạc lối dâu mà đến đây?

CÁC CÂU ĐỐI

Cóc cách, cộc cách,
Công kên, cồng kên.

Con cóc leo cây vọng-cách, nó rơi xuống cộc,
nó cách đến già,

Con công đi qua chùa Kên, nó nghe tiếng
cồng, nó kên cồ lại,

Cốc cốc đánh mõ rình cót thóc, thử (鼠) đêm
nay chuột có ăn không,

Tùng tùng hồi trống đào cây thông, ô (烏)
cành nọ quạ không đậu được.

Lợn cấn (艮) ăn cám tợn (巽),
Chó khôn (坤) chó cấn càn (乾).

VỢ NGƯỜI THỢ NHUỘM KHÓC CHỒNG

Thiếp kể từ lá thắm xe duyên, khi vắn tia lúc
cơn đen, điều đại điều khôn nhờ bố đỏ!

Chàng ở dưới tuổi vàng nghĩ lại, vợ má hồng
con răng trắng, tim gan tím ruột mấy giờ xanh!

CÂU ÔNG TÂN-LÝ-THƯỜNG RA CHO
ÔNG NGÔ-THỜI-SĨ

Ai Công Hầu, ai Khanh Tướng, trong trần ai
ai dễ biết ai.

Thế Chiến-quốc, thế xuân thu, gặp thời thế
thế thi phải thế.

(Khi ông Ngô-thời-Sĩ làm quan Tây-sơn, ông
Thường đến chơi, rất la kiêu ngạo, sau ông Thường
theo vua Gia-long ta làm Tham-tán, bắt ông Ngô-
thời-Sĩ đến, ra cho câu đối ấy, đối xong rồi sai
dem đánh chết)

DÂN CÔNG ĐƯỜNG

(Quan Thượng Chứ)

Hai Hạp bốn chủ, một lũ nhà-tơ, ngồi chờ
quan-lớn.

Ba bị chín quai, mười hai con mắt, hay bắt
trẻ con.

QUAN THƯỢNG CHỨ RA CHO ÔNG NGHÈ TÂN

Công dăng hỏa có chi dầu, sùng-săng nhờ
phận lại nhờ duyên, quan trong năm bảy tháng,
quan ngoài tám chín năm, này cò này biển, này
mũ này đai, này hèo hoa grom bạc, này tán
tia lọng xanh, khách tài-tình gặp hội kiếm cung,
khắp giới nam bẻ bắc ấy anh-hùng, mùi thế xem
ra chừng đã trái.

Nợ phong-trần không vương nữa, ngắt-nguờng chẳng tiên mà chẳng tục, hầu gái một vài cô, hầu giai năm bảy đũa, nào cờ nào kiệu, nào rượu nào thơ, nào đàn ngọt hát hay, nào trè chuyên chén mầu, tay khí vũ thoát vòng cương-tỏa, lấy gió mát giăng thanh làm bạn lúa, tuổi giới thêm ít nữa là hơn.

CÁC CÂU ĐÔI QUAN TAM-NGUYÊN AN-ĐỒ

DÁN NHÀ

Người nước nam hỏi tiếng Tây chẳng biết tiếng Tây, hỏi tiếng Tàu chẳng biết tiếng Tàu, cho nên phải minh tiên-vương chi đạo dĩ đạo.

Nhà hươg bắc người chữa rét thì mình đã rét, người chữa bức thì mình đã bức, mới gọi là tiên thiên-hạ chi ưu nhi ưu.

DÁN CHƠI

Quan chẳng quan tài dân, chiếu trung đình ngắt-nguờng ngồi trên, nào lệnh nào trưởng, nào bàn ba, tiền làm sao, gạo làm sao, củi đuốc làm sao, loanh-quanh ba vạn sáu nghìn ngày, miếng má lợn coi thầy đã nhăn mặt.

Già chẳng già nhưng trẻ, chú tiểu-dồng lô-nhồ đứng dưới, này phú này thơ, này đoạn một, ngang là thế, sỏ là thế, bằng trắc là thế, dằng-dẳng một năm mười hai tháng, con mắt gà đeo kính đã mòn tay.

KHÓC VỢ

Nhà tờ vốn nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thắt lưng bó que, sẵn váy quai-cồng, le-te chân ngược chân xuôi, nhiều lúc đỡ-dần khi có việc.

Bà đi dâu vợi mấy, để một lão vất-vơ vất-vưởng, búi tóc củ hành, buông quần lá tọa, gật gù tay dũa tay chén, lấy ai kể-lễ truyện trăm năm.

VIẾNG NGƯỜI LÀNG

Vừa mới họp việc làng, mặc áo địa, dận giầy Tàu, dứng-dĩn cũng coi ra dáng kẻ.

Thế mà chết đầu nước, lấp ván thiên, vùi đất sét, khôn ngoan thì cũng đứt đuôi rồi.

VIẾNG NGƯỜI HÀNG SÓM

Giàu có thiếu chi tiền, đem một vài quan không phải nhẽ.

Sang không thì cũng bạc, kiếm dăm ba chữ để làm duyên.

VIẾNG BỐ VỢ

Chữ nghĩa có gì, cửa sấm nhẽ đâu mang trống lại.
Rề con không nhẽ, nước người nên phải vác
chiêng đi.

CÔ ĐÀU KHÓC MẸ

Dây làm kép hẹp làm đơn, tổng-táng cho yên
hồn phách mẹ.

Cá kể đầu rau kể mớ, tình tang thêm tủi lữ
đàn con.

VỢ LÒ RÈN KHÓC CHỒNG

Nhà cửa để làm than, con thơ-dại lấy ai rèn-cặp.
Công việc đành bỏ bê, vợ chẻ chung lằm kể de-loi.

CÂU ĐỐI ÔNG BÙI-HOAN

(Người làng Thịnh-liệt, huyện Thanh tri đồ Cử-nhân)

Làm cho vợ mừng đồ Cử-nhân

Mười mấy khoa còn gì, nhờ giới có phúc có phận.
Năm mươi tuổi mới đỗ, mừng ông càng giẻ
càng giai.

MỪNG ÔNG LÃO NHÀ QUÊ LÊN

LÃO 70 TUỔI

Tỉnh ông hay, hay tửu hay tằm, hay nước trè
đặc, hay nằm ngủ chưa, tuổi ngoại sáu mươi còn
mạnh-khỏe.

Nhà ông có, có bầu có bạn, có ván cơm sôi,
có nồi cơm nếp, bày ra một tiệc thấy linh đình.

CÁC BÀI HÁT

(Các bài trong tập này phần nhiều trước không có đầu bài, không có đầu bài không nhưng không hiểu văn hay, mà không có thể phân biệt từng bài được, vậy tôi có chọn những câu lục bát trong truyện Kiều có hợp ý nghĩa về một bài nào, đem đặt thay làm nhan đề cho bài ấy, gọi là một cái đầu riêng chia ghê bài nọ với bài kia).

QUAN CAO-BÁ-QUÁT

(Ngài người làng Phú-thụy, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh, tên hiệu là Chu-Thần, cùng ông Cao-bá-Đạt đẻ sinh đôi, đều đỗ Cử-nhân, ngài đỗ khoa Tân-mão đời vua Minh-Mệnh ta, làm quan đến chức Giáo-thụ thôi, văn-chương rất là phiêu-dật, kẻ nước ta chưa được mấy người, vua Tự-Đức có phê câu thơ rằng : « Văn như Siêu, Quát vô Tiên-Hán » nói văn chương ngài với quan Phó-bá Nguyễn-Siêu Phương-đình, khó lòng văn hay nhà Tiên-Hán đã bằng, đời bấy giờ có câu chuyện rằng : « Thần Siêu, Thánh Quát » đều khen là bậc văn tài cả. Có tập văn thơ Cao-chu-Thần để lại sau, không những văn hay, chữ rất tốt, và văn nam âm cũng hay lắm, xin lục bài hát sau này) :

1. — NGHIĨ ĐỜI MÀ NGÁN CHO ĐỜI

Thế sự thăng trầm quân mạc vấn,
Yên ba thâm xứ hữu ngư-châu ;

Vắt tay, nắm nghĩ truyện đầu đầu,
Đem mộng sự, độ mấy chân thân thì cũng mệt.
Duy giang thượng chi thanh-phong, dữ sơn
[gian chi minh-nguyệt;
Kho giờ chung, mà vô-tận của mình riêng;
Cuộc vòng tròn phó mặc khuôn-thiên,
Kể thành-thị, kể vui miền lâm-tâu.
Gỗ dịp lấy, đọc câu tương-tiến-tử.
Quân bất kiến, hoàng-hà chi thủy, thiên thượng
[lai.

Làm chi cho mệt một đời!

2. — NGÀY XUÂN ĐÃ DỄ TÌNH CỜ MẤY KHI

Tài-tử với giai nhân là nợ sẵn,
Giải-cấu nan là chữ làm sao?
Trải xưa nay chừng đã biết bao!
Kìa tan hợp nợ khứ lưu đâu dám chắc.
Giai-nhân khứ khứ, hành hành sắc,
Tài-tử chiêu chiêu, mộ mộ tình.
Uầy kìa ai! như mây tuôn, như nước chảy,
[như gió mát, như giăng thanh;
Lơ lửng khéo chêu người chi mãi mãi!
Giờ đất có san đi mà xẻ lại,
Hội tương-phùng còn lắm lúc về sau!
Yêu nhau xin nhớ nhờ nhau.

3. — BIẾT ĐÂU RỒI NỮA CHẴNG LÀ CHIÊM-BAO

Nhân sinh thiên địa nhất nghịch-lữ,
Có bao lăm, ba vạn sáu nghìn ngày,
Như chiêm-bao, như bóng sồ, như gang tay,
Sực nhớ đến cồ-nhân bình chúc ;
Cao sơn lưu thủy thi thiên trực ;
Minh-nguyệt, thanh phong. tửu nhất thuyền ;
Dang tay người tài-tử, khách thuyền-quyên,
Chén rượu thánh, câu thơ thần thích chí !
Thành-thị ý, mà giang-hồ ý.
Đâu chả là tuyết, nguyệt, phong, hoa !
Bốn mùa xuân lại, thu qua.

4. -- NGÀY VUI NGẮN CHẴNG ĐẦY GANG

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy ?
Cảnh phù-du trông thấy cũng buồn cười !
Thôi công đâu mà chấp lấy sự đời,
Tiêu khiển một vài chung lếu-láo !
Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu,
Tâm tư bách kế bất như nhàn.
Bóng thiêu-quang thấp-thoáng dưới Nam-san,
Ngảnh mặt lại, cửu-hoàn coi cũng nhỏ !
Khoảng giờ dật, cồ kim, kim cồ,
Mảnh hình-hài, không có, có không !
Lộ là thiên tứ vạn chung.

5. — VÌ HOA NÊN PHẢI TỎ ĐƯỜNG TÌM HOA

Giai nhân nan tái đắc,
Chót yêu hoa nên dan-dίου với tình ;

Mái tây-hiên nguyệt dải chênh-chênh,
Rầu-rĩ mấy xuân về oanh nhớ.
Phong-lưu công-tử đa xuân tứ,
Trường đoạn, Tiêu-nương nhất chỉ thư.
Nước sông Tương một dải nông-chờ,
Cho kẻ đấy, người đây mong mỗi.
Bất-rất nhẽ, trăm đường nghìn nõi!
Chữ chung-tình biết nói cùng ai?
Quản chi gấn bó một hai.

6. — KIẾP HỒNG - NHAN CÓ MỎNG - MANH

Tự cổ hồng nhan đa mệnh bạc,
Buồn cho ai, mà lại tiếc cho ai!
Duyên chông-chênh nguyệt-mĩa, hoa cười,
Ngao-ngán nhẽ, dào-tiên lặn cõi tục!
Đã gác gương loan treo giá ngọc,
Nỡ hoài chim cú đậu ngành mai!
Xuân còn dài, duyên hải còn dài,
Thử đứng-dỉnh xem cơ tiền-dịnh.
Mượn đi Nguyệt thử xe dây xích,
Khách văn nhân với khách giai-nhân.
Sắc tài ai kẻ cầm cân?

QUAN NGUYỄN-QUI-TÂN

(Ngài người làng Thượng-cốc, tỉnh Hải-dương,
đỗ Tiến-sĩ năm Nhâm-dần, đời vua Thiệu-trị năm
thứ 2, sau làm Tri-phủ)

7. — TRĂM NĂM TRONG CÔI NGƯỜI TA

Nhân sinh thiên địa gian,
Hốt như lữ-hành khách!
Có bao nhiêu, ba vạn sáu nghìn ngày;
Nợ phong-trần chót đã ăn vay,
Phải trang giả mới là tay chí-khi.
Đã chót nhấp say mùi thế-vị,
Phải tìm phương tỉnh thuốc phiền-hoa!
Kiếp phù-sinh thắm-thoắt bỗng nên già,
Thì tuyết, nguyệt, phong, hoa cho phỉ chi.
Hỏi những khách táng-bồng hồ-thỉ,
Chốn lâm tuyền thành-thị mấy tri âm?
Trăm năm luống những cười thâm!

8. — ĐAU LÒNG KẼ Ở, NGƯỜI ĐI.

Thử địa, thử nhân, tòng thử khứ,
Di sâu, di hận, cánh di thương!
Mỗi tình riêng xẻ nửa bước đường!
Bên bờ liễu ngập-ngừng cơn tống biệt;
Người viễn khách biết chằng chằng biết?
Mỗi tơ vò vấn-vit xuất năm canh!
Khi cung đàn, khi chén rượu,
Khi gió mát, khi giăng thanh,

Khúc bạch-tuyết bên mình còn văng-vẳng!
Mấy bước tiến đưa vàng đá nặng,
Ba câu gấn-bó nước non tình.
Gánh tương-tư chất nặng bên mình,
Phong-cảnh ấy chêu người thêm xác-mắc!
Tự cổ giai-nhân nan tái đắc,
Khách tri-âm ở đó, uầy nào đâu?
Mười phần ta đã tin nhau.

QUAN NGUYỄN-CÔNG-CHỨ

(Ba bài)

(Ngài người làng Uy-viễn, huyện Nghi-xuân, tỉnh Nghệ-an, đỗ Giải-nguyên khoa Kỷ-mão đời vua Gia-long, làm quan đến đời vua Tự-Đức Ngài là bậc văn-thần, lại giỏi tài thao-lược, thường lấy chức quan văn đi đánh giặc mấy lần, đã làm đến Hải an Tổng-đốc bị cách chức, sau lấy quân-công khai-phục, lại cách chức, thang mây không biết lên xuống mấy lần, khi mất, tuổi ngoài 70, còn khai-phục được chức Thừa-thiên Phủ-doãn. Văn nam âm rất hay, các bài hát lại càng hay lắm, những bài hay cô-dầu thường hát bây giờ phần nhiều của ngài cả, xin lục vài bài sau này):

9. — CẨM ĐƯỜNG NGÀY THÁNG THANH-NHÂN

1°

Thị tại môn tiền náo,
Nguyệt lai môn hạ nhàn,
So lao tâm, lao lực cũng một đoàn,
Người nhân thế muốn nhàn sao được!

Nên phải giữ lấy nhân làm trước,
Dẫu giờ cho có tiếc cũng xin nài.
Cuộc nhân sinh, chừng bảy, tám, chín, mười
mười!

Mười lăm trẻ, năm mười già không kể.

Thoạt sinh ra thì đã khóc chóc!

Trần có vui, sao chả cười khi?

Khi hỉ lạc, khi ái dục, lúc sân-si,

Chữ chi lắm một bầu nhân-dục!

Tri túc, tiện túc, đãi túc, hà thời túc?

Tri nhân, tiện nhân, đãi nhân, hà thời nhân?

Cầm, kỳ, thi, tửu, mấy giang san,

Đễ mấy kẻ xuất trần xuất thế!

Ngã kim nhật tại tọa chi địa,

Cổ chi nhân tằng tiên ngã họa chi.

Ngàn muôn năm, âu cũng thế ni,

Ai hay hát mà ai hay nghe hát?

Sông Xích-bích, buông thuyền năm Nhâm-tuất,

Đề ông Tô riêng một thú thanh-tao.

Chữ nhân là chữ làm sao?

10. — CÔNG DANH AI RÚT LỐI NÀO CHO QUA

2°

Ba vạn sáu nghìn ngày thấm-thoắt!

Tự mọc răng cho đến bạc đầu,

Cõi nhục vinh góp lại chửa bao lâu!

Ngồi thử gẫm sự đời thêm khéo quá!

Núi tự tại, cớ sao sông bất xả?

Chim thì lông, hoa thì cành,

Khéo công dàu, thừa trừ,
Từ nghìn trước đến nghìn sau !
Kết cục lại mỗi người riêng một kiếp,
Nhập thế-cục bất khả vô công nghiệp.
Xuất mẫu-hoài tiện tự hữu quân thân !
Mà chữ danh liền mấy chữ thân,
Thân đã có ắt danh ầu phải có !
Này phút chốc kim rồi lại cở,
Có hện gì sau chẳng bằng nay.
Râu mày kia hỡi râu mày !

11. — TRÊN VÌ NƯỚC, DƯỚI VÌ NHÀ

Tang-bồng hồ-thỉ nam-nhi trái,
Cái công-danh là cái nợ lần !
Nặng-nề thay, đôi chữ quân, thân !
Đạo vi tử vi thần dàu có nhẽ !
Cũng đắp diên-viên vui thú vị ;
Chót đem thân thế hện tang-bồng,
Xếp bút nghiên theo việc kiếm-cung,
Hết hai chữ trung, trình báo quốc.
Một mình đề vì dân, vì nước,
Túi kinh-luân từ trước đề nghìn sau.
Hơn nhau một tiếng công hầu.

12. — DƯỚI TRẦN MẤY MẶT LÀNG CHƠI

Ngâm cho kỹ đến bất nhân là tạo-vật,
Đã sinh người lại hện lấy năm.

Kê chi thẳng lên bầy, dứa lên năm!
Dầu ba vạn sáu nghìn ngày là mấy chốc!
Lại mang lấy lợi, danh, vinh, nhục!
Cuộc đời kia, lắm lúc bi hoan!
E đến khi hoa rữa giăng tàn,
Xuân một khắc dễ nghìn vàng đổi chác!
Tế suy vật lý, tu hành lạc,
An dụng phù danh bạn thử thân.
Song bất nhân mà lại chi nhân,
Hạn lấy tuổi để mà chơi lấy.
Cuộc hành lạc bao nhiêu là lãi đấy,
Nếu không chơi thiệt ấy ai bù!
Nghề chơi cũng lắm công phu.

QUAN THƯỢNG NGUYÊN-ĐỨC-NHU

13. — NỖI CHÌM CŨNG MẶC LÚC NÀO RỦI MAY

Nhân sinh thiên địa nhất nhịnh-lữ,
Thôi công dẫu mà rước lấy sự trần-gian,
Như chiêm-bao, như mây nổi, như sương tan,
Cơn đắc, tán, bi, hoan, đành có lúc!
Vài chung phong nguyệt bầu kim cở,
Mấy khúc sơn hà, túi gió giăng!
Cuộc tẻ vui, vui tẻ so bằng,
Ai cỏi thế, chắc rằng không với có!
Kìa Vương-Khải, Thạch-Sùng thừa nọ,
Dầu đến nay tắc lười cũng là hư!
Làm chi giữ lấy khư-khư!

14. — TRÚC MAI SUM HỌP MỘT NHÀ

Nhân thế hãn phùng khai khẩu tiểu,
Khách giang-hồ từng họp thiều, ly đa,
Nay bắc nam xum họp một nhà,
Gồm đủ cả, thẳng cảnh, lương thì, thưởng tâm
[lạc sự ;
Hào trúc, ai ti dư túy hĩ,
Thế phong minh nguyệt giả hà như ?
Thú nguyệt hoa là nợ với cầm thư,
Cuộc thi tửu, đề riêng người phong-nhã !
Quân bất kiến ? hoa lạc, hoa khai, xuân khứ dã,
Phải chơi cho lãn-lóc dã, kéo hoài.
Kìa kìa hải dốc, thiên nhai !

QUAN NGHÈ NGÔ-THẾ-VINH

(Ngài hiệu riêng là Cúc-đường, người làng Bái-
dương, tỉnh Nam-định đỗ Tiến-sĩ năm Kỷ-sửu, niên-
hiệu Minh-Mệnh thứ 10. học-trò thành đạt rất nhiều).

15. — LẦN THẬU GIÓ MÁT GIĂNG THANH

Giang sơn, thu nguyệt bạch,
Nỗ-nùng thay, khi gió mát lúc giăng thanh !
Bóng thiềm soi đáy nước long-lanh,
Quang-cảnh ấy, cũng thanh mà cũng lịch !
Vạn nãi tịch nhiên thu giả vĩnh,
Nhất hồ oánh nhĩ, nguyệt minh thâu.
Đàn năm cung, thơ một khúc, cờ một cuộc,
[rượu một bầu,

Tiếng ca-quản một vài câu khiễn-hưng !
Chèo mấy mái thuyền lan lững-thững,
Bạn mấy người tài tử tiêu-giao ;
Non mấy từng, đá mọc so-le,
Cầu một dịp, bắc ngang sông Vị-thủy.
Hội Xích-bích nọ năm Tuất nhỉ !
Thú phong-lưu há một Tô-công,
Giăng thanh gió mát kho chung.

16. - ĐỜI NGƯỜI ĐẾN THẾ THÌ THÔI

Nhân sinh thích chí, chẳng gì hơn :
Tiền cho nhiều, vợ cho đẹp, đàn cho ngọt, hát
[cho hay !

Nợ phong-lưu chơi hết lại vay,
Kho vô-tận, không rồi lại có !
Mãn viện lý đào như hữu chủ,
Bách ban hoa thảo cánh thâu thùy.
Khi cung đàn, khi chén rượu, khi túi thơ,
Thu-xếp cả phiến-hoa vào một cục.
Thú vị ấy, chơi cũng tục, mà chả chơi cũng tục.
Chơi thì chơi cho nước Hán sang Hồ,
Nước Tần sang Sở nước Ngô sang Lào,
Biết đâu rồi chả chiêm-bao.

QUAN TAM-NGUYÊN NGUYÊN-KHUYẾN

Sáu bài

Ngài người làng An-đỗ, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam, đỗ Nhị-giáp tam-nguyên khoa Tân-vị, niên hiệu vua Tự-Đức ta năm 24, làm quan đến Sơn, Hưng, Tuyên Tổng-đốc (trước ta có chức Tổng-đốc gồm hai ba tỉnh) cáo về, lấy thơ rượu làm vui ngâm vịnh rất nhiều, có tập văn Quế-sơn để lại. Các lối văn Quốc-âm như: lục bát, thơ, phú điển âm, và bài hát điệu hay. Vừa khoa-danh vừa sự-nghiệp, vừa khí-tiết, vừa văn-chương, quốc-triều ta cũng chưa thấy mấy. Xin lục dăm bài hát sau này).

17. - TIẾNG KHOAN NHƯ GIÓ THỜI NGOÀI

1. — Giả cách điếc

Trong thiên-hạ có người giả điếc,
Khéo ngo-ngo ngác-ngác, ngỡ là ngây!
Chả ai ngờ sáng tai họ, điếc tai cây,
Lối điếc ấy sau này muốn học.
Tọa chung đàm tiếu nhân như mộc.
Giả lý phan viên nhĩ tự hầu;
Khi vườn sau, khi ao trước, khi điệu thuốc
Khi miếng giàu, khi chèo chuyên dăm bầy chén
[khi Kiều lấy một đôi câu.
Tĩnh một chốc, lâu-lâu rồi lại điếc.
Điếc như thế, ai không muốn điếc?
Điếc như anh dễ học ru mà.
Hỏi anh, anh cứ ậm-à!

18. — MẮT XANH CHẴNG ĐỂ AI VÀO
CÓ KHÔNG?

2° — *Bài hát xẩm*

Anh nay mục hạ vô nhân,
Nghe em xuân-sắc mười phân nảo nùng !
Dù em môi phấn má hồng,
Nhưng nhưng anh có thêm trông đâu nào !
Lấy anh đi trước cho hào,
Dù ngấm, dù nguyệt, dù sao mặc lòng !
Nhủ em, em có nghe không ?
Hãy còn nẹ ồi dấy tay bong đi rồi !
Nhắc tay sờ chốn em ngồi.

19. — TRO' NHƯ ĐÁ, VỮNG NHƯ ĐỒNG

3° — *Bài Phỏng đá*

CÂU MIẾU

Người đâu? tên họ là gì?
Hỏi ra chích-chích chi-chi, nực cười !
Vắt tay ngảnh mặt trông giời,
Còn toan lo tính sự đời chi đây !
Thấy lão đá lờ-dờ muốn hỏi?
Cớ làm sao luồn lỏi tới chi đây?
Hay mắng vui huê cỏ, nước non này?
Chùng cũng muốn đan tay vào hội lạc !
Thanh-sơn tự tiểu, dầu tương hạc,
Thương-hải thù tri túc diệp âu !
Thôi thôi đừng nghĩ truyện dàu-dầu !

Túi vũ tr ụmặc đàn sau gánh vác!
Duyên hội-ngộ là duyên tuổi tác,
Chén chú, chén anh, chén tôi, chén bác,
Cuộc tỉnh say, say tỉnh một vài câu!
Nên chẳng đá cũng gặt đầu.

20. — BỤI NÀO CHO ĐỤC ĐƯỢC MÌNH ẤY VAY

5°. — *Mẹ Mốc*

Mẹ Mốc là một con mẹ đại ở về vùng tỉnh Nam, thường lấy than, đất xoa đen nhỏ cả mình đi, có người cho mẹ ta vì bực mình một sự gì, giả cách ra như thế, thực không phải đại.

So danh giá ai bằng mẹ Mốc!
Ngoài hình-hài, gấm, vóc cũng thêm ra,
Tấm hồng-nhan đem bôi lấm, xoa nhòa.
Làm thế để cho qua mắt tục,
Ngoại mạo bất cầu như mỹ ngọc,
Thân trung thường thủ tự kiên kim.
Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,
Giữ son sắt êm-dềm một tiết,
Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết,
Mảnh gương trinh vằng-vặc quyết không nhờn,
Đắp tai ngảnh mặt làm ngọc,
Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thấy,
Khôn em dễ bán đại này.

21. — PHỤ TÌNH NỒI TIẾNG LẦU XANH

6°

Nết dàu, nết lạ!
Thấy cò dàu gằm-gã chực cười nô,
Rượu con say, mời đủ trăm hồ;
Hãm cơm cháo, mời về còn lắc!
Liếc mắt nhân tình nhanh cái cắt,
Chém môi vô-tích phóng con hươu!
Vui anh em thời ra phết phong-lưu,
Rút cục lại chú nhiều Khiều là họ nội.
Khen ai khéo đưa đường chỉ lối,
Chị em ta thề giới thế mà thiêng.
Từ rầy hễ thấy thì kiềng.

22. — TRÔNG VỜI CON NƯỚC MÈNH MÔNG

Tây-hồ

(Tây-hồ ở Phía bắc thành Hà-nội, chu-vi 27 dặm đến mùa thu trông ra, thực là giới nước mông-mênh, mùa hạ sen mọc nhiều, thả một lá thuyền chơi, thật không khác gì như đem mình đương ở chốn hồng-trần ra ngay miền Nhược-thủy, cũng là vượng-khí đất Thăng-long, từ trước Xếp-đặt sẵn cho trong thành-thị có riêng một cảnh-chí lâm tuyền).

Thuyền lan nhè-nhẹ,
Một con chèo đủng-đỉnh dạo hồ Tây.
Sóng rập rờn sắc nước lăn chèo mây.
Bát-ngát để ghẹo người du lãm,
Yên-thủy tự sinh vô hạn cảm,

Thu-phong hồi thủ mỗi thương tâm!
Rượu lưng bầu, mong-mỗi bạn tri-âm,
Xuân vắng-vẻ, biết cùng ai ngâm họa?
Gió hây-hầy nức mùi hương xạ
Nhác trông lên, vách phấn đã đề bài.
Thơ ai, xin hỏi một bài?

QUAN ĐỐC HỌC TRẦN-LÊ-KÝ

(Người làng Bát-tràng, tỉnh Bắc-ninh)

23. — CHƠI CHO LIÊU CHÁN HOA CHÈ

Từ lên một đến mười lăm còn trẻ nit,
Bốn mươi năm cút-kit đã về già;
Tinh trong vòng, cắn đá mấy giảng hoa,
Phỏng độ ba mươi năm là sắp kiệt
Thế mà còn đi học đi hiệc, đi thi đi thiếc;
Khi đỗ khi điệc, làm quan làm kiếc!
Việc đời vấn-vít biết bao ngại,
Giời đã sinh cho kiếp làm người,
Chả chơi thời người cười ra chú vịch!
Được ngày nào, ta chơi cho thích,
Cho phong-lưu, thanh-lich mới là giai!
Thấy ai ai, ta cũng ai ai,
Ai-ai ấy, thì ta cũng ấy!
Chớ có quở chữ dâm là chữ bậy!
Nếu không dâm sao có nầy ra hiễn?
Bảo em, em cứ giữ-diềng.

QUAN DƯƠNG-LÂM

ĐƯA MỪNG QUAN NGHÈ DU-LÂM KHI ĐỖ TIÊN-SĨ

(Ngài với quan Nghè Nguyễn-Kham Du-lâm cùng là anh em ngọc-nhuận (rể), khi quan Nghè đỗ, ngài chưa đỗ, đưa mừng bài hát này, khoa sau đỗ Giải-nguyên. Ngài dẫu không đỗ đại-khoa, nhưng văn tài cùng với quan Đường anh, đều là có tiếng, quan cũng làm đến thượng-thư. Ngài được cung hàm Thiếu-bảo, văn-chương sự-nghiệp, Bắc-kỳ ta chưa dễ được mấy nhà, xin lục bài hát sau này):

4. CHÉN MỪNG XIN ĐỢI NGÀY RẦY NĂM SAU

Giai-nhân hà tất kiêu như ngọc,
Chữ duyên may, đập đổ phận hồng-nhan;
Kìa những người xe ngựa chan-chan,
So ngón kẻ đã thua nhau ngàn với vạn!
Mai phóng hạnh tiên, tiểu hạnh vẫn.
Hạnh khai mai hậu, thán mai suy!
Xin đừng đem tài sắc đánh ghen chi!
Trăm năm ấy đường đi lối bước,
Nhấn những kẻ đường mây bước trước,
Sẽ đừng roi đợi kẻ sau này.
Chắc rằng ai dở, ai hay!

25. — MUỖI LĂM NĂM MỚI BÂY GIỜ LÀ ĐÂY

4° — *Gặp cô dâu cũ*

Hồng-hồng tuyết tuyết,
Mới ngày nào, chưa biết cái chi-chi!

Mười lăm năm, thắm-thoắt có ra gì!
Ngảnh mặt lại, đã tới kỳ to-liều.
Ngã lãng du thì, khanh thượng thiếu,
Khanh kim hứa giá, ngã thành ông,
Cười-cười, nói-nói sượng-sùng,
Mà bạch-phát với hồng-nhan chừng ái ngại.
Riêng một thú thanh sơn đi lại,
Khéo ngày-ngày, đại-dại mấy tình!
Đàn ai một tiếng gương tranh.

CÁC BÀI HÁT QUAN DƯƠNG-KHUÊ

Năm bài

(Ngài người làng Văn-dinh, phủ Ứng-bò, tỉnh Hà-dông, đỗ Tiến-sĩ khoa Nhâm-thìn, niên-hiệu vua Tự-Đức năm 21, làm quan đến Thượng-thư, lại về Tham-tá nha Kinh-lược, khoa hoạn rất là rõ-ràng. Ngài là một bậc từ-tảo phong-lưu, không những văn-chương hay, các bài hát và roi châu, rất là hay có tiếng, đó cũng là vận-sự riêng trong một bậc văn-hoa; xin lục những bài hát sau này)

6. — DÂY LOAN XIN NỐI CẦM LÀNH CHO AI ?

1°. — *Hỏi truyện cô đầu*

Nhân vong, cầm tại,
Thương chàng Hai, mà hỏi lại cô Hai ;
Tiện đây hỏi một đôi nhời :
Đàn bản ấy đã cùng ai so phẩm cũ ?
Hồng phấu, kỷ nhân vi quả-phụ ?

Bạch-đầu, nan lão Trác-văn-quân,
Thế thì khi gió gác, khi giảng sân,
Chừng bạch-tuyết, dương-xuân còn tưởng nhớ !
Hãy ngồi lại hát chơi khúc nữa,
Ai trách chi tang chở sớm Bình-khang ?
Xưa nay nghề-nghiệp thế thường.

27. — TÌNH NHÂN LẠI GẶP TÌNH NHÂN

2° — *Gặp cô đầu cũ*

Hốt ức lục thất niên tiền sự,
Nợ phong-lưu chưa phải hương nguyên ;
Tới bây giờ lại gặp người quen,
Nỗi lưu-lạc, sự ghét-ghen là thế-thế !
Thiếp tự thân khinh, lang vị khí,
Thần tuy tội trọng, để do liên !
Can chi mà tủi phận hờn duyên ?
Đề son phấn đàn em thêm khúc-khích !
Ý trung nhân, tự khả tình tương bạch,
Thôi bút nghiên, đàn phách cũng đều sai,
Gặp nhau ta sẽ vui cười.

28. — SƠN-SAO TI TRÚC, HỘI-ĐỒNG QUÂN QUAN

(Mừng khánh-thành sinh-từ và tiễn quan quận
Nguyễn Tổng-Khuê lai kinh).

CÂU MIÊU

Ấy ai ghi nhớ sống thờ,
Tổng-khê Tướng-quốc sinh-từ, kia-kia !

Tầng lầu các họa thơ đề,
Nghiễn-bi thừa trước, Hùng-bi thừa này !
Giang sơn riêng thú thanh-kỳ,
Có lầu có tháp, có bia công-thần,
Giữa gò một gác khuê-văn,
Chùa tiên bên nớ, miếu thần bên ni !

3° — *Bài thứ nhất*

Thừa-tướng đại danh thùy vũ-trụ,
Sinh-từ trường dữ thử giang-san !
Thú vui chơi, thắng-tích, kỳ-quan,
Miền thủy nhiều, hoa hoàn coi cũng rưa
Ngấn tuyết chảo vãng, hoàn, lưu, khứ,
Dịp tuần hồng như như ti-ti !
Hát rằng vô dĩ công qui,
Một tiếng trúc, dây ti là một nhớ !
Hỏi lại cỏ hoa đã biết chữa ?
Nước non này còn đó bởi vì ai ?
Còn sông Tô, Nhị còn dài,
Còn bia Nùng, Khán còn nhờ niềm ân.
Trăm nghìn bái chúc thần-quân

4° — *Bài thứ hai*

Tung sinh, Nhạc giáng chân danh thế,
Đệ nhất nguyên-huân, đệ nhất nhân !
Vi đem mà vẽ lại các kỳ-lân,
Gồm đủ cả trượng-tiết, trù-biên, giao-lân,
phụng-sứ,
Nghìn năm lễ, bóng đường, mưa thử,
Giang sơn này lưu khứ nhớ hay không ?

Càng lâu càng nhớ Tướng-công,
Lúc bản-dãng tinh trung càng tỏ dạ!
Một mình hệ hoàng-gia tôn-xã,
Trăm ngàn năm vàng đá vẫn còn ghi,
Sinh-từ Tướng-quốc kia-kia!

29. — CỎ CÂY CỎ ĐÁ SẮN-SÀNG

5°. — *Hương-son*

(Núi Hương-tích ở về phủ Mỹ-đức, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà-đông. Một núi rất là u tịch, lối vào khuất-khúc, qua khe đến núi, qua núi đến chùa, qua chùa đến động, lại có những chợ giời, rừng mơ, suối Giải-oan, lối lên giời, hang xuống đất, thực là thợ giời xếp-đặt sẵn ra một cảnh chí tự-nhiên. Vua Thánh-tôn nhà Lê có khắc 5 chữ bằng đá để trước cửa động rằng: « Nam thiên đệ nhất động » nghĩa là động thứ nhất giời Nam. Tương truyền đức Chúa-Ba nước ta đặc đạo tu ở đây. cho nên đến nay năm-năm cứ tháng hai, tháng ba, kẻ hành hương, người lăm thảng, thực là ngựa xe như nước, áo quần như nêm. Các bài đề vịnh cũng nhiều, xin lược lại bài sau này):

Thú thiên nhiên dàu bằng Hương-tích,
Đủ thanh-tao, cảnh lịch trăm chiều!
Người thời vui trĩ-thỏ sô-nghiêu,
Kẻ thời thích yên-hà phong-nguyệt.
Kho vô-tận những thế nào chưa biết,
Thú hữu-tình sơn thủy thực là vui!
Khi dăng lâm, có lối đến gần giời,

Mây dưới gót, đủ xanh, đen, vàng, đỏ, trắng !
Lúc vào động ngắm sơn-quinh thạch-đẩu,
Bút thần ngoan chưa khéo vẽ cho cùng,
Riêng một bầu sắc-sắc không-không,
Khắp mọi vẽ kỳ-kỳ quái-quái !
Động chủ hữu linh thần-bút tại,
Hóa-nhi vô ý tự-nhiên công !
Khách trèo non ngánh lại mà trông,
Lòng mẩn cảnh đời chân đi hóa đứng !
Chén vân-dịch nghiêng bầu uống găng ;
Bức thơ tiên mở túi liền đề.
Giải oan ra, tẩy tục lại thêm hay,
Thiên-chù tới, vong cơ càng thấy khỏe !
Làng thi tửu còn đâu hơn đấy nhỉ ?
Chẳng Bồng-lai, Nhược-thủy cũng thần tiên,
Rõ-ràng đệ nhất Nam-thiên,
Mang đi sợ để thần tiên mất lòng !
Thôi thì đề đấỵ chơi chung.

QUAN NGHỀ CHU-MẠNH-CHINH

(Người làng Phú-thị, tỉnh Hưng-yên, đỗ Giải nguyên, Tiến-sĩ, làm quan đến Án-sát tỉnh Hà-nam. Quan Chu cũng là một bậc từ-tảo phong-lưu, các nghề chơi như : đàn, vẽ, bắn súng, đánh cờ điếu giỏi cả, văn nam-âm cũng hay, có tập thơ vịnh Kiều 20 bài in để lại, và ít nhiều bài hát còn truyền, xin lục bài hát sau này):

Bài hương-sơn thứ hai

Bầu giờ cảnh bụi,
Thú hương-sơn ao ước bấy lâu nay !
Kìa non non nước-nước mây-mây,
Đệ-nhất-động hỏi rằng đây có phải ?
Thủ-thỉ rừng mai chim cúng trái,
Lững-lờ khe nước, cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chầy kinh,
Khách tang-hải dật mình trong giấc mộng !
Này thú Giải-oan, này chùa Cửa-võng,
Này am Phật-tích này động Tuyết-kinh.
Nhác trông lên ai khéo họa bình,
Đá ngũ sắc long-lanh như gấm dệt ;
Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Gập-ghenh mấy lối uốn thang mây !
Ý giang sơn còn đợi ai đây ?
Hay tạo hóa khéo ra tay xếp đặt !
Lần tràng-hạt niệm nam-vô phật !
Cảnh từ-bi công đức biết bao,
Càng trông phong-cảnh càng yêu.

QUAN DOÃN-KHUÊ

(Ngài người làng Ngoại-lân, tỉnh Thái-bình, đỗ Tiến-sĩ khoa Mậu-tuất, niên-biệu vua Minh-Mệnh ta thứ 19, quan sung chức Doãn-điền-sứ tỉnh Nam-định, là em quan Trung-nghĩa-tướng-quân Doãn Uẩn, khoa-danh, tiết-nghĩa, có danh-tiếng ở quốc triều ta, xin lục bài hát sau này) :

30. — CÒN CHEN VÀO CHỐN BỤI HỒNG LÀM CHI

Môn tài ngũ liễu,
Đào-uyên-Minh qui khứ lai hề?
Chỉ vân-sơn bện lấy đường về,
Đừng theo-đuổi phong-trần chi mãi mãi!
Giời đất nề-nang người khi-khái,
Nước non tây-vị kể tài-tinh,
Đạo Chích lợi, Bá-Di danh.
Hỏi Thủ-lĩnh, Đông-sơn ai phải chẳng?
Bắc đông cân thử xem nhẹ nặng,
Chữ lợi kia nhẹ bằng mấy mươi!
Danh thơm dài để trên đời,

31. -- GIĂNG THỀ CÒN ĐÓ TRO-TRO

Cao sơn nhất phiến nguyệt,
Đã chơi giăng nên phải biết tình giăng,
Sơn chi thọ, đối với nguyệt chi hằng,
Sơn có nguyệt càng thêm cảnh sắc,
Nguyệt quả hàn sơn thi bán bức,
Sơn hàm minh nguyệt tửu thiên tôn;
Giăng chưa già, núi vẫn còn non,
Núi chưa khuyết, giăng vẫn tròn mấy núi;
Rượu một bầu, thơ ngâm một túi,
Góp gió giăng, làm bạn với non sông!
Núi kia, tạc để chữ đồng,
Giăng kia, nở mặt anh-hùng này chẳng?
Sinh thay kia núi nợ giăng,

TÌ BÀ HÀNH

Lác đác rừng phong hạt móc xa,
Ngàn lau hiu hắt khí thu mờ.
Lưng gò sóng gợn lòng sông thẳm,
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.
Khóm cúc thêm tuôn dòng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt khối tình già.
Lạnh lùng giục kẻ tay đao xích,
Thành quạnh gần xa bóng ác tà.

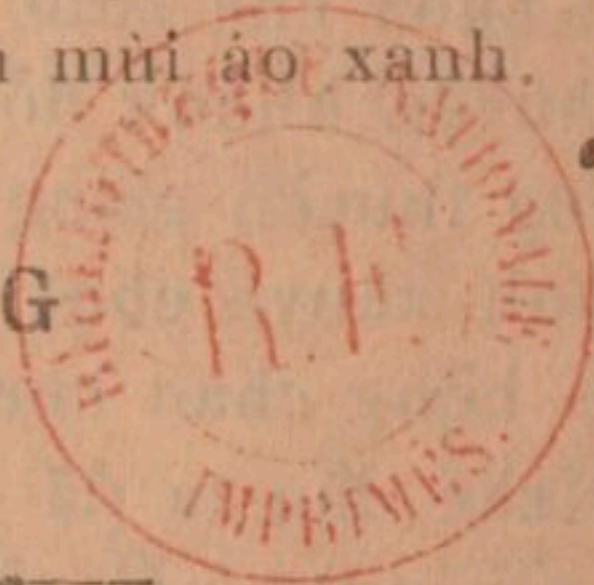
Bến Tầm dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu lau-lách đìu-hiu,
Người xuống ngựa, khách dừng trèo,
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều chúc tở.
Say cũng luống ngẩn-ngơ hầu dễ,
Nước mênh-mông đắm vẽ gương trong.
Đàn ai chợt tiếng bên sông,
Chủ khuấy-khũa lại, khách rùng-rắn xuôi.
Tìm tiếng sẽ hỏi ai đàn tà?
Ngừng dây tở, nấn-ná làm thình,
Rời thuyền ghé lại thăm tình,
Dong đèn chước chén còn dành tiệc vui.
Mời-mọc mãi thấy người bở-ngỡ,
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa,
Vạn đàn vài tiếng dạo qua,
Dẫu chưa nên khúc tình đà thoảng hay.
Nghe não-nuột mấy dây rứt bậc,
Nhường than niềm, tấm tức bấy lâu,
Chau mày tay gầy khúc sầu,
Tả tình rã hết trước sau muôn vản,
Ngón buông, bắt khoan khoan diu-dặt,

Trước nghề-thường, sau thoát lục điều,
Dây to nhường đồ mura rào,
Ni-non dây nhỏ nửa chiều chuyện riêng.
Tiếng cao thấp đánh hanh lần gầy,
Mâm ngọc đầu, bông nầy hạt châu,
Trong hoa oanh riu-rit nhau,
Suối khe giéo-giắt chảy thâu dưới ghềnh.
Nước suối lạnh tơ mảnh ngừng tắt,
Ngừng tắt nêa phút bật đường tơ.
Âm-thầm đau đón ngẩn-ngơ,
Vẻ người lạng-ngắt bấy giờ càng hay,
Bình bạc vỡ tuòn đầy giọt nước,
Ngựa sắt giông thét ngược tiếng giao,
Cung đàn chọn bực thanh tao,
Tiếng buông sé lựa đượm vào bốn giây,
Thuyền mấy lá dòng tây im phắc,
Một vầng giăng trong vắt lòng sông.
Ngậm-ngùi đàn đã sắp song,
Áo siêm sửa soạn hầu mong giả nhời,
Rằng: xưa vốn là người kẻ chợ,
Gò Hà-mô chú ở lân la.
Học đàn từ thuở mười ba,
Giáo-phường đệ nhất bậc đã liệt tên.
Ả Thiện tài sợ phen dựng khúc,
Gái thu-nương ghe lúc diềm tô,
Ngũ-lãng chàng trẻ tranh-đua,
Biết bao the đỏ chuốc mua ngón đàn,
Vành lược bạc chia, tan dịp khổ,
Bức quần hồng, hoen ố rượu rơi,

Năm năm lần lữa vui cười,
Mãi giăng gió, chả đoái-hoài xuân thu.
Buồn em chầy, lại lo gì thác,
Lần hôm mai đổi khác hình-dung,
Cửa thưa dẫu ngựa vắng không,
Thân già mới kết bạn cùng khách thương.
Khách trọng lợi khinh đường sa-cách,
Mãi buồn chề sớm tếp dậm khơi.
Thuyền không đỗ bến mặc ai,
Quang thuyền giăng sáng nước trôi lạnh-lùng.
Canh khuya chợt nhớ vòng tuổi trẻ,
Lệ hồng chan hoen vẽ phấn son,
Nghe đàn ta đã chệnh buồn,
Lại rầu nghe nổi nỉ-non mấy nhời,
Cùng một lứa bên giờ vắng vắng,
Gặp-gỡ nhau lo sẵn quen nhau,
Từ xa Kinh-khuyết bấy lâu,
Tầm-dương đất chích, gỏi sầu hôm mai.
Chốn cung-tịch biết ai vui với,
Tai chẳng nghe đàn thổi cả năm,
Sông Bồn gần chốn cát lằm,
Lau già, trúc cối âm-sâm quanh hiên.
Tiếng chi đó, nghe liền sớm tối,
Quyên kêu than, vượn nói véo-von,
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
Lần lần tay chước chén son ngập-ngừng.
Há chẳng có sáo dừng hát núi,
Rọng liu-lo nhiều nổi khó nghe,
Tì bà nghe dạo đêm khuya,

Nhạc tiên đầu đã sớm kê bên tai,
Cãng ngồi lại, đàn chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn sửa nhời ca,
Đừng lâu nhường cảm ý ta,
Dốn ngồi giờ ngọn, đàn đà kip dây.
Bực, rầu rĩ khác tay đàn trước,
Trong tiệc hoa tuôn nước lệ rơi,
Lệ ai chan chứa hơn ai,
Giang-châu Tư-mã, đượm mùi áo xanh.

CHUNG



Có dâng Hoàng-Thượng và
trình phủ Thống-Sứ